

CHƯƠNG 1: QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ DỰ THI

1.1. QUÁ TRÌNH NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1.1.1. Mẫu hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Một túi đựng hồ sơ: Mặt trước ghi các thông tin cần thiết mà thí sinh phải điền đầy đủ, mặt sau là một số lưu ý về làm hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT).

- Phiếu số 1: Mặt trước có nội dung giống mặt trước của túi đựng hồ sơ, mặt sau gồm các thông tin về tên và ký hiệu các trường đại học.

- Phiếu số 2: Mặt trước của phiếu về cơ bản giống mặt trước của túi đựng hồ sơ, mặt sau là hướng dẫn ghi phiếu ĐKDT.

Thí sinh mua hồ sơ (ĐKDT) tại bộ phận tuyển sinh của các sở GD&ĐT, các điểm phát hành hồ sơ theo quy định của từng sở, các cửa hàng văn phòng phẩm lớn.... Trên hồ sơ có in dấu hay ký hiệu như thế nào cũng tùy thuộc quy định của từng sở GD&ĐT.

1.1.2. Trình tự làm hồ sơ ĐKDT

Để điền thông tin bộ hồ sơ ĐKDT trước tiên thí sinh phải trả lời được các câu hỏi: Dự định thi khối nào? Ngành nào? Trường nào? Sau đó tra cứu thông tin trong quyển “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ để biết trường có tổ chức thi hay không, biết mã ngành, mã trường dự thi, mã tỉnh, mã huyện. Tra cứu danh mục mã trường THPT, danh mục đơn vị ĐKCT năm 2010 của các sở GD&ĐT để biết mã ban tuyển sinh, mã tỉnh, mã quận/huyện, mã trường THPT, mã đơn vị ĐKDT. Cuối cùng đọc hướng dẫn ghi phiếu ĐKDT ĐH, CĐ (ở mặt sau của phiếu số 2).

Cách điền hồ sơ ĐKDT ĐH, CĐ cụ thể như sau:

Mục 1 (Số phiếu): Thí sinh không ghi mục này.

Mục 2 (Trường đăng ký dự thi) ghi rõ tên trường ĐH, CĐ dự thi vào đường kẻ

chấm, ghi rõ ký hiệu trường ĐH, CĐ dự thi vào 3 ô đầu. Hai ô tiếp theo ghi khối thi quy ước: ô thứ nhất ghi A,B,C hoặc D, ô thứ 2 dùng cho thí sinh dự thi khối D: thi tiếng Anh ghi số 1, thi tiếng Nga ghi số 2, thi tiếng Pháp ghi số 3, thi tiếng Trung ghi số 4, thi tiếng Đức ghi số 5, thi tiếng Nhật ghi số 6. Ba ô cuối ghi mã ngành dự định học.

VD: Đại Học Dân Lập Hải Phòng Ký hiệu trường Khối thi Mã ngành

Mục 3: Mục này không phải là mục ghi nguyện vọng 2 (NV2), mà chỉ dành cho thí sinh có nguyện vọng 1 (NV1) học tại trường ĐH, CĐ không thi tuyển sinh hoặc hệ CĐ của trường ĐH, hoặc trường CĐ thuộc các ĐH. Những thí sinh này không cần ghi mã ngành ở mục 2 (là trường sẽ dự thi nhưng không có nguyện vọng học) nhưng tại mục 3 phải ghi đủ tên trường, ký hiệu trường, khối thi, mã ngành của trường mà thí sinh có nguyện vọng học (NV1).

Mục 4 (Họ, chữ đệm và tên của thí sinh): viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu.

VD: LÊ THỊ ANH Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0).

Mục 5: Ghi ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh vào các ô quy định (nếu ngày và tháng nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu).

Mục 6(Nơi sinh): Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố.

VD: Xã An Đồng, Huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

Mục 7(Dân tộc): Ghi bằng chữ vào đường kẻ chấm.

Mục 8 (Đối tượng ưu tiên): Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu từ 01 đến 07, sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống.

- Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

+ Đối tượng 01: Công dân Việt Nam có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.

+ Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

+ Đối tượng 03:

- Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;
- Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại khu vực 1;
- Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;
- Quân nhân, công an nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Đối tượng 04:

- Con liệt sĩ ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- Con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng, con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 hoặc con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 .

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học là người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.
- Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:
- + Đối tượng 05:
 - Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;
 - Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở khu vực 1;
 - + Đối tượng 06:
 - Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
 - Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”;
 - + Đối tượng 07:
 - Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh), Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
 - Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;
 - Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

Mục 9 (Hộ khẩu thường trú): Ghi rõ bằng chữ vào đường kẻ chấm. Ghi đúng mã thành phố (tỉnh) vào 2 ô đầu, mã quận (huyện) vào 2 ô sau. (Số nhà, đường, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố).

VD: 20/25B, đường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.

Mục 10 (Nơi học THPT hoặc tương đương): Ghi rõ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố vào đường kẻ chấm. Ghi đúng mã thành phố nơi trường đóng vào 2 ô đầu và mã trường vào 3 ô cuối.

VD: Trường THPT An Dương, 15 thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

Mục 11 (Khu vực): Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó.

- Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

+ Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

+ Học sinh các trường, lớp dự bị ĐH.

+ Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc UBND cấp tỉnh.

+ Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

- Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

+ Khu vực 1 (KV1) gồm: Các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, trong đó có các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

+ Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.

+ Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thành phố trực thuộc tỉnh (không trực thuộc trung ương); các thị xã; các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương.

+ Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

Mục 12 (Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương): ghi đủ 4 chữ số năm tốt nghiệp vào các ô.

Mục 13 (Nơi nộp hồ sơ ĐKDT và mã ĐKDT):

- Nơi nộp hồ sơ ĐKDT: Ghi rõ bằng chữ vào đường kẻ chấm.
- Mã đơn vị ĐKDT : Ghi đúng mã số vào 2 ô.

VD: Trường THPT An Dương Mã đơn vị ĐKDT 59

Mục 14 (Cụm thi): Dành cho thí sinh có hộ khẩu chỉ định thi tại Vinh, Cần Thơ, Quy Nhơn (nếu có nguyện vọng): Ghi chữ V hoặc chữ C hoặc chữ Q vào ô.

- Cụm thi tại thành phố Vinh: Dành cho thí sinh thi vào Trường Đại học Vinh và các thí sinh có hộ khẩu thường trú tại 4 tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, có nguyện vọng thi vào các trường đại học đóng tại khu vực Hà Nội. Cụm thi này do Trường ĐH Vinh chủ trì phối hợp với các trường đại học liên quan tổ chức thi.

- Cụm thi tại thành phố Quy Nhơn: Dành cho thí sinh thi vào Trường Đại học Quy Nhơn và các thí sinh có hộ khẩu thường trú tại 6 tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Ngãi, Quảng Nam có nguyện vọng thi vào các trường đại học đóng tại khu vực Hà Nội và Tp.HCM. Cụm thi này do Trường Đại học Quy Nhơn chủ trì phối hợp với các trường đại học liên quan tổ chức thi.

- Cụm thi tại thành phố Cần Thơ: Dành cho thí sinh thi vào Trường ĐH Cần Thơ và các thí sinh có hộ khẩu thường trú tại 9 tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ có nguyện

vọng thi vào các trường đại học đóng tại khu vực Tp. Hồ Chí Minh. Cụm thi này do Trường Đại học Cần Thơ chủ trì phối hợp với các trường đại học liên quan tổ chức thi.

Mục 15: Giấy chứng minh số: Ghi mỗi số vào 1 ô.

Mục 16: Gửi giấy báo dự thi, giấy chứng nhận kết quả thi, phiếu báo điểm cho ai, theo địa chỉ nào?

VD: Lê Thị Anh, 20/B25 Ngô Quyền, Hải Phòng. Điện thoại liên hệ (nếu có) 0313670911.

Để hoàn tất hồ sơ, thí sinh cần ghi rõ ngày... tháng... năm... làm hồ sơ, ký tên, dán ảnh 4x6 và có xác nhận của trường (nếu đang là HS, SV) hoặc của công an xã/phường (đối với thí sinh tự do đang cư trú tại địa phương). Cách ghi tương tự đối với phiếu số 1 và phiếu số 2.

Hồ sơ ĐKDT hợp lệ (đúng mẫu của Bộ GDĐT) gồm :

- Túi hồ sơ có dán ảnh, có xác nhận (ký và đóng dấu giáp lai).
- Phiếu số 1
- Phiếu số 2: thí sinh lưu giữ sau khi có chữ ký của người nhận.
- 02 ảnh cỡ 4x6 kiểu chứng minh thư, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, ký hiệu trường dự thi, mã đơn vị ĐKDT; 2 ảnh cho vào trong túi nhỏ.
- Giấy chứng nhận sơ tuyển, bản sao giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Ba phong bì có dán tem và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận (địa chỉ này nên giống với mục 16).
- Đối với thí sinh có NV1 học tại các trường ĐH, CĐ không tổ chức thi hoặc hệ CĐ của các trường ĐH hoặc trường CĐ thuộc các ĐH, hồ sơ có thêm 1 bản photocopy mặt trước phiếu ĐKDT số 1 (không được đờ hay ghi thêm gì vào bản photocopy này). Bản photocopy này sẽ được các sở GD-ĐT chuyển cho các trường không tổ chức thi cùng với ảnh và địa chỉ đã dán tem sẵn của thí sinh để các trường này có đầy đủ thông tin của thí sinh như những trường tổ chức thi.

- Đối với thí sinh là đối tượng tốt nghiệp trung cấp nghề (hệ THCS) phải có xác nhận đã học đủ khối lượng và thi đạt các môn văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.1.3. Nộp hồ sơ

Khi nộp hồ sơ ĐKDT, thí sinh cần lưu ý khai chính xác, rõ ràng, không tẩy xóa. Mẫu hồ sơ được áp dụng thống nhất trên toàn quốc. Vì vậy hồ sơ do địa phương sở GD&ĐT nào phát hành cũng đều có giá trị như nhau. Thí sinh có thể sử dụng hồ sơ ĐKDT của bất cứ địa phương nào phát hành để nộp đều được.

Thí sinh nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT và cước phí vận chuyển hồ sơ tại nơi tiếp nhận theo quy định của sở GD&ĐT. Các Sở GD&ĐT sẽ chuyển hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT cho các trường.

Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT tại các địa điểm do Sở GD&ĐT quy định. Các địa điểm này không thu hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT của học sinh đang học lớp 12.

Thí sinh ở xa có thể nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển qua đường bưu điện chuyển phát nhanh hoặc dịch vụ chuyển phát ưu tiên hoặc nộp trực tiếp tại các trường.

Khi hết thời hạn nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT theo quy định của sở GD&ĐT, thí sinh nộp ĐKDT và lệ phí ĐKDT trực tiếp tại trường.

Những thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia lớp 12 trung học phổ thông; đạt giải hoặc đẳng cấp thể dục thể thao, nghệ thuật, nộp thêm giấy chứng nhận đạt giải hoặc giấy chứng nhận đẳng cấp trong ngày làm thủ tục dự thi.

Khi thí sinh nộp hồ sơ thí sinh sẽ được cán bộ có trách nhiệm thu hồ sơ xác nhận và giao lại tờ phiếu số 2 đã có đầy đủ chữ ký của người thu hồ sơ, biên lai nộp lệ phí ĐKDT và lệ phí dự thi. Cán bộ thu nhận sẽ kiểm tra lại, kịp thời hướng dẫn thí sinh chỉnh sửa những sai sót trong các nội dung khai trong hồ sơ.

Trong phần mềm tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT đang sử dụng hiện nay quy trình đầu tiên và quan trọng nhất đó là nhập dữ liệu. Vì vậy khi thu nhận xong hồ sơ của thí sinh cán bộ thu nhận hồ sơ sẽ phải nhập dữ liệu vào máy tính.

Phần mềm tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT (về cấu trúc, quy trình, thời hạn xử lý dữ liệu tuyển sinh) trong các khâu công tác sau đây:

1. Nhập dữ liệu tuyển sinh từ hồ sơ ĐKDT của thí sinh và truyền dữ liệu cho Bộ GD&ĐT và các trường.
2. Đánh số báo danh và lập danh sách thí sinh dự thi.
3. Lập danh sách phòng thi căn cứ tên thí sinh theo vần A, B, C... theo từng khối, ngành. Tuyệt đối không được xếp phòng thi theo cách gom học sinh từng địa phương vào các số thứ tự gần nhau.
4. In giấy báo thi cho từng thí sinh (có thể kết hợp dùng làm thẻ dự thi).
5. Lập các biểu mẫu thống kê về số lượng thí sinh dự thi theo khối ngành, theo tỉnh và đối tượng rồi truyền về Bộ GD&ĐT trước ngày 30/5 hằng năm.
6. Công bố trên mạng Giáo dục (www.edu.net.vn) và trên các phương tiện thông tin đại chúng: đề thi, đáp án, thang điểm và hướng dẫn chấm theo quyết định của Bộ GD&ĐT.
7. Lập biểu mẫu chấm thi bao gồm bản hướng dẫn dòn túi, bản đối chiếu số báo danh - phách và biên bản chấm thi. Cụ thể:
8. Thực hiện công việc sau khi có kết quả chấm thi tất cả các môn
9. Tiến hành kiểm tra, đối chiếu điểm đã nhập vào máy, đã in trên Giấy báo trúng tuyển, Giấy chứng nhận kết quả thi và Sổ điểm với điểm đã ghi ở Biên bản chấm thi. Nếu có sai sót phải sửa ngay. Người thực hiện khâu kiểm tra này phải ký biên bản xác nhận và chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra.
10. Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển trên mạng Giáo dục (www.edu.net.vn) và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

1.2. KHÓ KHĂN

a) Công việc khai hồ sơ:

Khai thông tin vào bộ hồ sơ đăng ký dự thi đại học hiện tại là công việc có khá nhiều gánh nặng cũng như gây sự phiền hà cho thí sinh và người nhà. Trong bộ hồ sơ có nhiều thông tin phải điền, có những thông tin rất khó hiểu vậy nên sai sót là điều không tránh khỏi nhưng lại không được tẩy xóa. Vì vậy để có được bộ hồ sơ chuẩn, đúng quy định thì thí sinh phải mất nhiều hồ sơ làm nháp, điều này gây sự tốn kém đáng kể.

Mỗi năm có không ít thí sinh bị nhầm lẫn trong khi làm hồ sơ. Trong đó, có những sai sót tưởng như đơn giản nhưng để lại hậu quả cực kỳ nghiêm trọng. Thường gặp nhất là mục đối tượng ưu tiên do có ít nguồn tham khảo nhiều thí sinh không tìm hiểu rõ những ưu tiên của bản thân và gia đình nên ghi nhầm. Có những thí sinh không phân biệt được giữa việc đi bộ đội và làm dân phòng, bỏ đi bộ đội về bị bệnh lại tưởng thương binh, bản thân thí sinh đi bộ đội được hưởng ưu tiên 1 lại ghi vào ưu tiên 2 khi trúng tuyển nhà trường kiểm tra không đúng, đủ giấy tờ thì sẽ đậu thành rớt. Bởi theo quy chế của Bộ GD&ĐT tất cả những TS này đều bị xóa tên khỏi danh sách khi trúng tuyển.

Đặc biệt là nhầm lẫn giữa trường tổ chức thi với trường không tổ chức thi. Vì hai mục này có điểm giống nhau là điền mã trường, mã ngành, mã khối, nếu không tìm hiểu kỹ dễ gây nhầm lẫn. Thí sinh có nguyện vọng 1 (NV1) vào học tại các trường có tổ chức thi nhưng lại điền vào mục trường không tổ chức thi. Thí sinh có NV1 học tại các trường ĐH không tổ chức thi hoặc bậc CĐ của trường ĐH, trường CĐ thuộc các ĐH. Theo đúng quy chế tuyển sinh thì mục 2 ghi tên trường, mã trường và mã khối thi của trường mà thí sinh dự thi (không ghi mã ngành, chuyên ngành). Mục 3 ghi đầy đủ tên trường, ký hiệu trường, khối thi và mã ngành (hoặc mã chuyên ngành) của trường không tổ chức thi mà thí sinh có nguyện vọng học. Nhưng rất nhiều thí sinh ghi cả mã ngành tại mục 2.

b) Công việc nhập dữ liệu:

Hàng năm số lượng thí sinh đăng ký dự thi vào đại học rất lớn khoảng 2,1 triệu hồ sơ đăng ký (năm 2008), 2 triệu hồ sơ (năm 2009), năm 2010 số lượng hồ sơ đã giảm đáng kể khoảng 1.378.878 hồ sơ. Mặc dù vậy nhưng đây vẫn là con số khổng lồ đối với bộ phận nhập liệu thông tin thí sinh bên cạnh đó là số lượng thông tin trong mỗi bộ hồ sơ cũng không nhỏ. Các thông tin như họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, dân tộc, hộ khẩu, tên trường thi, mã ngành, mã khối... lần lượt được các cán bộ cặm cùi nhập vào. Đây thực sự là công việc hết sức khó khăn mất rất nhiều thời gian công sức nhưng lại cho độ chính xác không cao bởi một người phải nhập thông tin cho quá nhiều người, thể lực và trí lực đều phải giảm sút. Đặc biệt, để nhà trường tiện liên lạc cho thí sinh thì trong dữ liệu phải có phần địa chỉ báo tin hoặc số điện thoại liên hệ nhưng phần vì quá đông thí sinh phần vì thông tin quá dài nên đã không được nhập vào cơ sở dữ liệu. Điều này làm nhà trường mất nhiều thời gian tìm kiếm.

1.3. GIẢI PHÁP

Trong quá trình điền hồ sơ nếu có các thông tin về hộ khẩu, đơn vị đăng ký dự thi, dân tộc, diện ưu tiên, khu vực, mã trường, mã khối...đều có sẵn để thí sinh lựa chọn điền vào hồ sơ thì sự sai sót và mất thời gian sẽ giảm đi rất nhiều. Thêm vào đó thí sinh có thể sửa thông tin khi điền nhầm cho đến khi đúng mẫu mà không mất nhiều hồ sơ thì chi phí cho việc mua hồ sơ không đáng kể nữa. Mục 2 và mục 3 trong bộ hồ sơ được kiểm soát chặt chẽ rõ ràng hơn thì việc chọn nhầm trường không thể xảy ra.

Trên thực tế, với hàng triệu hồ sơ đăng ký, thì công việc nhập liệu không đơn giản chút nào. Thay cho việc bộ phận nhập liệu phải nhập thông tin thì thí sinh sẽ tự nhập thông tin của mình vào cơ sở dữ liệu sau đó đem nộp. Khi thí sinh đến nộp cán bộ thu nhận hồ sơ sẽ thực hiện công việc xác nhận rằng thí sinh đã nộp và thông tin thí sinh đã có trong cơ sở dữ liệu.

Hện nay, việc phổ biến công nghệ thông tin trở nên rộng rãi, các tổ chức, gia đình, cá nhân hầu hết đã có máy tính nối mạng Internet. Internet - một trường học lớn - bộ não của nhân loại đã và đang ngày càng phát triển mạnh mẽ tại Việt Nam. Trong đó Website - một sản phẩm công nghệ tuyệt vời của Internet - đã mang lại lợi ích rất lớn cho các tổ chức cá nhân ở khắp mọi nơi trên toàn cầu không chỉ bằng cách tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc cho con người mà nó còn đem lại nhiều nguồn lợi nhuận khổng lồ khác. Nhận thức được xu hướng này và mong muốn làm sao giải quyết triệt để được các công việc trên nên em đã chọn giải pháp đưa ứng dụng của CNTT đặc biệt là ứng dụng của Website để xây dựng lên **“Website thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi và tra cứu điểm thi đại học”** phục vụ cho công tác tuyển sinh. Được xây dựng nhằm đưa tới cho các cán bộ thu nhận hồ sơ có được sự thuận tiện nhất có thể và không phải nhập dữ liệu; cung cấp cho các thí sinh dự thi đại học một ứng dụng đăng ký hồ sơ dự thi trực tuyến với giao diện thân thiện, dễ sử dụng. Đề tài không nhằm mục tiêu thay đổi hoàn toàn quy cách thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi của Bộ GD&ĐT đề ra và cách thức tra cứu điểm thi đại học mà chỉ nhằm cải tiến cách thực hiện các quy trình, dữ liệu sẵn có với sự hỗ trợ của việc tin học hóa để nâng cao hiệu xuất thực hiện công việc. Đây là một trong những Website tiên phong ở Việt Nam cho phép thí sinh đăng ký hồ sơ trực tuyến.

1.4. MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

- a) Túi bì
- b) Phiếu số 1
- c) Phiếu số 2

CHƯƠNG 2: MÔ TẢ CƠ SỞ DỮ LIỆU TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

2.1. MÔ TẢ CHUNG

Quy trình thu nhận hồ sơ đăng ký thi đại học là một phần trong quá trình tuyển sinh vào Đại học và Cao đẳng. Tất cả các quy định, quy chế, mẫu hồ sơ... đều được Bộ GD&ĐT áp dụng chung cho tất cả các đơn vị dự tuyển và các thí sinh dự thi trên cả nước. Hiện tại công tác tuyển sinh đã sử dụng nhiều ứng dụng của công nghệ thông tin song để lấy được dữ liệu của thí sinh vào cơ sở dữ liệu thì cán bộ thu nhận hồ sơ phải nhập thông tin trong từng bộ hồ sơ, công việc này khá vất vả. Website thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi và tra cứu điểm thi đại học được xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề nói trên. Website này có chức năng khá mới, nếu được ứng dụng nó sẽ tạo ra bước ngoặt lớn cho công tác tuyển sinh bởi vậy cơ sở dữ liệu của web cần được nghiên cứu chuẩn xác, đầu tư rất nhiều thời gian. Bởi vậy, Website sử dụng các tệp dữ liệu của cơ sở dữ liệu sẵn có đã được Bộ GD&ĐT xây dựng dựa trên kết quả của quá trình phân tích và thiết kế. Khi thí sinh đăng ký trực tuyến trên Website thì đồng thời dữ liệu đã được lấy vào cơ sở dữ liệu. Website có tính ứng dụng thực tế rất lớn và để đem lại sự tin cậy cho người dùng thì việc dùng cơ sở dữ liệu tối ưu là cần thiết. Cụ thể các tệp trong cơ sở dữ liệu được thiết kế trên phần mềm SQL Server.

2.2. CÁC BẢNG DỮ LIỆU

* Bảng **Bants**: Lưu trữ thông tin về ban tuyển sinh.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Bants</u>	character	2	Mã số ban tuyển sinh
2.	Tenbants	character	50	Tên ban tuyển sinh

* Bảng **Cumthi**: Lưu trữ thông tin về cụm thi.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Cumthi</u>	character	1	Mã số cụm thi
2.	Tencumthi	character	30	Tên cụm thi

* Bảng **Dantoc**: Lưu trữ thông tin về các dân tộc.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Dantoc</u>	character	2	Mã số dân tộc
2.	Tendantoc	character	50	Tên dân tộc

* Bảng **Dhp**: Lưu trữ thông tin hồ sơ của các thí sinh đăng ký dự thi.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Bants</u>	character	2	Mã ban tuyển sinh
2.	<u>Donvidt</u>	character	2	Mã đơn vị dự tuyển
3.	stt	numeric	5	Số thứ tự
4.	Truong	character	3	Mã trường
5.	Dot	numeric	1	Đợt thi
6.	Khoi	character	2	Khối thi
7.	Nganh	character	3	Ngành thi
8.	Truong2	character	3	Trường nguyện vọng2
9.	Khoi2	character	2	Khối nguyện vọng2
10.	Nganh2	character	3	Ngành nguyện vọng2
11.	Hoten	character	40	Họ tên thí sinh
12.	Phai	numeric	1	Giới tính

13.	Ngaysinh	character	6	Ngày sinh
14.	Dantoc	character	2	Mã dân tộc
15.	Tinh	character	2	Mã tỉnh
16.	Huyen	character	2	Mã huyện
17.	Doituong	character	2	Đối tượng
18.	Nhomut	character	1	Nhóm ưu tiên
19.	Namtn	character	4	Năm tốt nghiệp
20.	Lop12	character	5	Lớp 12
21.	Lop11	character	5	Lớp 11
22.	Lop10	character	5	Lớp 10
23.	Khuvuc	character	3	Khu vực
24.	Sobaodanh	numeric	5	Số báo danh
25.	Diachi	character	50	Địa chỉ báo tin của thí sinh
26.	Dm1	character	4	Điểm môn 1
27.	Dm2	character	4	Điểm môn 2
28.	Dm3	character	4	Điểm môn 3
29.	Dtc0	character	4	Điểm chưa làm tròn
30.	Dtc	character	4	Điểm đã làm tròn

* Bảng **Doituong**: Lưu trữ thông tin về các nhóm đối tượng được ưu tiên theo quy định.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Doituong</u>	character	2	Mã đối tượng
2.	Tendtg	character	50	Tên đối tượng được ưu tiên
3.	Nhomut	character	1	Nhóm đối tượng ưu tiên

* Bảng **Donvidt**: Lưu trữ thông tin các đơn vị dự thi ở các ban tuyển sinh.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Bants</u>	character	2	Mã ban tuyển sinh
2.	<u>Donvidt</u>	character	2	Mã đơn vị dự thi
3.	Tendonvi	character	50	Tên đơn vị dự thi
4.	Huyen	character	2	Mã quận/huyện của đơn vị dự thi

* Bảng **Huyen**: lưu trữ thông tin các quận/huyện của thí sinh.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Huyen</u>	character	2	Mã huyện
2.	<u>Tinh</u>	character	2	Mã tỉnh
3.	Tenhuyen	character	50	Tên huyện

* Bảng **Khuvuc**: Lưu trữ tên các nhóm khu vực.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Khuvuc</u>	character	3	Mã khu vực
2.	Tenkhuvuc	character	50	Tên khu vực

* Bảng **Nganh**: Lưu trữ thông tin về các ngành học của các trường tổ chức thi tuyển và xét tuyển.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Truong</u>	character	3	Mã trường
2.	<u>Khoi</u>	character	2	Mã khối thi
3.	<u>Nganh</u>	character	3	Mã ngành
4.	Loainganh	character	1	Loại ngành
5.	Tennganh	character	60	Tên ngành
6.	Nhomnganh	character	3	Nhóm ngành
7.	Monthi1	character	15	Môn thi 1
8.	Monthi2	character	15	Môn thi 2
9.	Monthi3	character	15	Môn thi 3
10.	Hesom1	numeric	1	Hệ số môn 1
11.	Hesom2	numeric	1	Hệ số môn 2
12.	Hesom3	numeric	1	Hệ số môn 3
13.	Diemsanm1	numeric	4	Điểm sàn môn 1
14.	Diemsanm2	numeric	4	Điểm sàn môn 2
15.	Diemsanm3	numeric	4	Điểm sàn môn 3
16.	Tochucthi	logical	1	Tổ chức thi

* Bảng **Nhomut**: Lưu trữ thông tin các nhóm được ưu tiên.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Nhomut</u>	character	1	Mã nhóm ưu tiên
2.	Tennhomut	character	50	Tên nhóm ưu tiên

* Bảng **Tinh**: Lưu trữ thông tin các tỉnh.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Tinh</u>	Character	2	Mã tỉnh
2.	Tentinh	Character	35	Tên tỉnh

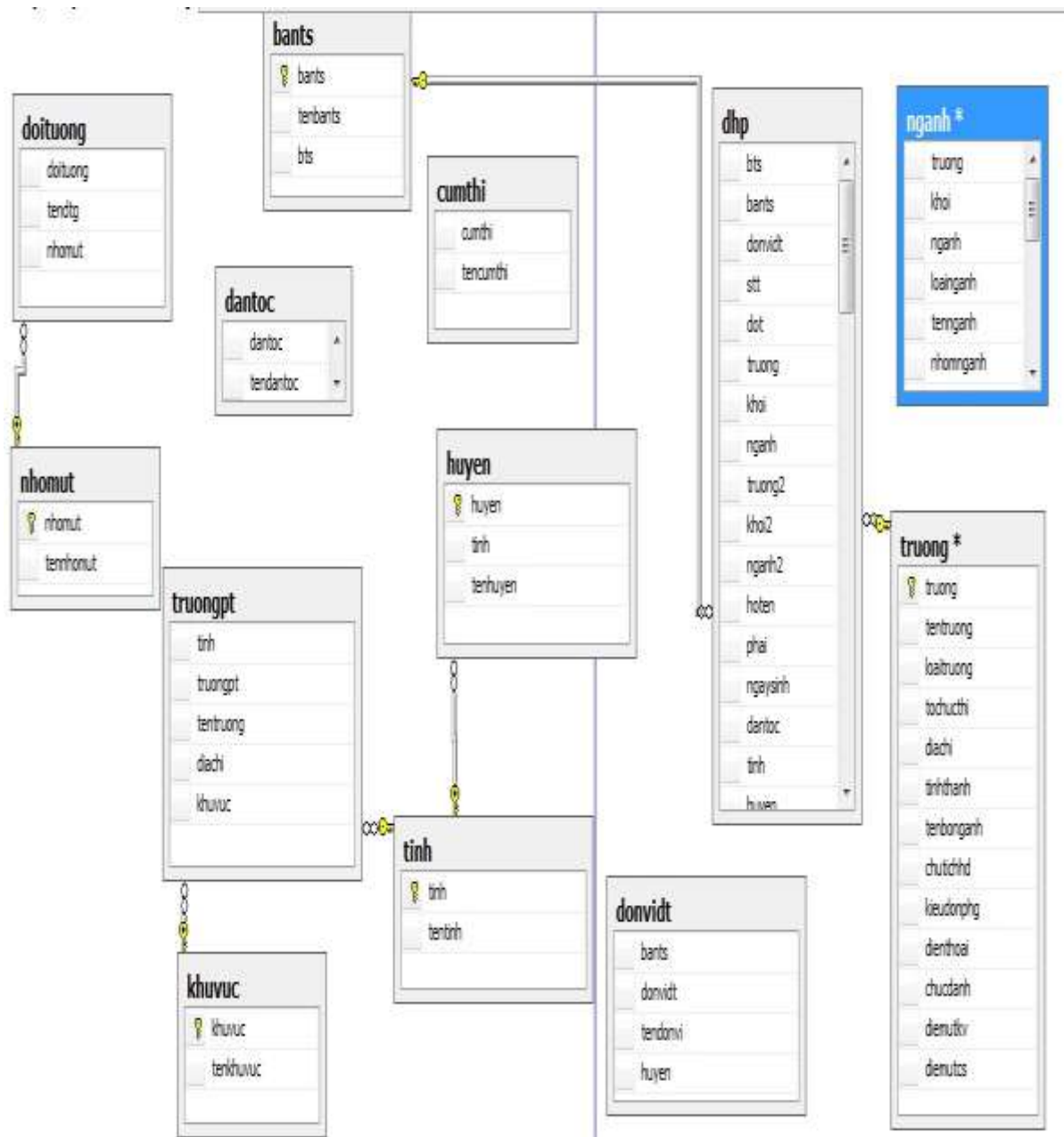
* Bảng **Truong**: Lưu trữ thông tin về các trường tổ chức thi tuyển.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Truong</u>	Character	3	Mã trường
2.	Tentruong	Character	60	Tên trường
3.	Loaitruong	Character	1	Loại trường
4.	Tochucthi	Logical	1	Tổ chức thi hay không
5.	Diachi	Character	60	Địa chỉ
6.	Tinhthanh	Character	40	Tỉnh thành
7.	Tenbonganh	Character	40	Tên bộ ngành
8.	Chutichhd	Character	40	Chủ tịch hội đồng
9.	Dienthoai	Character	40	Điện thoại
10.	Chucdanh	Character	20	Chức danh
11.	Diemutkv	Numeric	3	Điểm ưu tiên khu vực

* Bảng **Truongpt**: Lưu trữ thông tin các trường phổ thông trung học.

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Độ rộng	Miêu tả
1.	<u>Tinh</u>	Character	2	Mã tỉnh
2.	<u>Truongpt</u>	Character	3	Mã trường
3.	Tentruong	Character	40	Tên trường
4.	Diachi	Character	50	Địa chỉ
5.	Khuvuc	Character	3	Khu vực

2.3. Mô hình quan hệ



CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG WEBSITE THU NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG

KÝ DỰ THI ĐẠI HỌC

3.1. HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.1.1. Giới thiệu về ngôn ngữ SQL Server 2008

SQL Server là một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu (Relational Database Management System (RDBMS)) sử dụng Transact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa Client Computer và SQL Computer. Một RDBMS bao gồm databases, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS.

SQL Server được tối ưu để có thể chạy trên môi trường cơ sở dữ liệu rất lớn (Very Large Database Environment) lên đến Tera-Byte và có thể cùng lúc phục vụ cho hàng ngàn user. SQL Server có thể kết hợp “ăn ý” với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E-Commerce Server, Proxy Server...

Được Microsoft phát triển từ Microsoft SQL Server 2000, 2005, SQL Server 2008 cung cấp công nghệ và khả năng mà các tổ chức hy vọng kiểm soát được các khó khăn thách thức đang ngày càng tăng đối với việc quản lý dữ liệu và cung cấp thông tin có giá trị kịp thời đến người dùng.

SQL Server 2008 là một phát hành quan trọng mang đến nhiều tính năng mới và những cải thiện quan trọng làm cho nó trở thành một phiên bản SQL Server toàn diện và mạnh mẽ nhất với những cần thiết trong việc bùng nổ dữ liệu ngày nay. Nó cho phép các tổ chức có thể chạy hầu hết các ứng dụng phức tạp của họ trên một nền tảng an toàn, tin cậy và có khả năng mở rộng, bên cạnh đó còn giảm được sự phức tạp trong việc quản lý cơ sở hạ tầng dữ liệu. SQL Server 2008 cùng với .NET Framework đã giảm được sự phức tạp trong việc phát triển các ứng dụng mới. ADO.NET Entity Framework cho phép các chuyên gia phát triển phần mềm có thể

nâng cao năng suất bằng làm việc với các thực thể dữ liệu logic đáp ứng được các yêu cầu của doanh nghiệp thay vì lập trình trực tiếp với các bảng và cột. Các mở rộng của ngôn ngữ truy vấn tích hợp (LINQ) mới trong .NET Framework đã cách mạng hóa cách các chuyên gia phát triển truy vấn dữ liệu bằng việc mở rộng Visual C#® và Visual Basic® .NET để hỗ trợ cú pháp truy vấn giống SQL vốn đã có. Hỗ trợ cho các hệ thống kết nối cho phép chuyên gia phát triển xây dựng các ứng dụng cho phép người dùng mang dữ liệu cùng với ứng dụng này vào các thiết bị và sau đó đồng bộ dữ liệu của chúng với máy chủ trung tâm. SQL Server 2008 cho phép các chuyên gia phát triển khai thác triệt để và quản lý bất kỳ kiểu dữ liệu nào từ các kiểu dữ liệu truyền thống đến dữ liệu không gian địa lý mới. SQL Server 2008 cung cấp một cơ sở hạ tầng có thể mở rộng, cho phép quản lý các báo cáo, phân tích với bất kỳ kích thước và sự phức tạp nào, bên cạnh đó nó cho phép người dùng dễ dàng hơn trong việc truy cập thông tin thông qua sự tích hợp sâu hơn với Microsoft Office.

SQL Server 2008 xây dựng trên một di sản kế thừa việc hỗ trợ dữ liệu không quan hệ mạnh bằng việc cung cấp các kiểu dữ liệu mới cho phép các chuyên gia và quản trị viên lưu trữ một cách có hiệu quả và quản lý được dữ liệu không kết cấu như các tài liệu và ảnh. Sự hỗ trợ cho việc quản lý dữ liệu không gian, địa lý nâng cao được bổ sung trong sản phẩm này. Thêm vào với các kiểu dữ liệu mới, SQL Server 2008 còn cung cấp một số các dịch vụ phong phú trên các kiểu dữ liệu khác nhau trong khi vẫn cung cấp khả năng tin cậy, tính bảo mật và khả năng quản lý của kho dữ liệu quan hệ.

SQL Server 2008 giới thiệu các kiểu dữ liệu date và time mới:

- DATE – là một kiểu dữ liệu ngày
- TIME – kiểu dữ liệu thời gian
- DATETIMEOFFSET – kiểu dữ liệu thời gian và ngày tính theo vùng

- DATETIME2 – rộng hơn kiểu DATETIME đang tồn tại

Các kiểu dữ liệu mới cho phép các ứng dụng có thể phân biệt kiểu dữ liệu và kiểu thời gian trong khi đó vẫn cung cấp được các dải dữ liệu lớn hơn hoặc độ chính xác được định nghĩa bởi người dùng cho các giá trị thời gian.

HIERARCHY ID: SQL Server 2008 cho phép các ứng dụng dữ liệu có thể mô hình theo cấu trúc cây một cách hiệu quả hơn với các phiên bản hiện hành. HierarchyId là một kiểu hệ thống mới có thể lưu giá trị để thể hiện các nút trong kiến trúc cây. Kiểu dữ liệu mới này đặc trưng cho mô hình lập trình linh động. Nó được thực thi như CLR UDT cho thấy một số hiệu quả và phương pháp hữu dụng bên trong cho việc tạo và hoạt động trên các nút của kiến trúc hệ đẳng cấp.

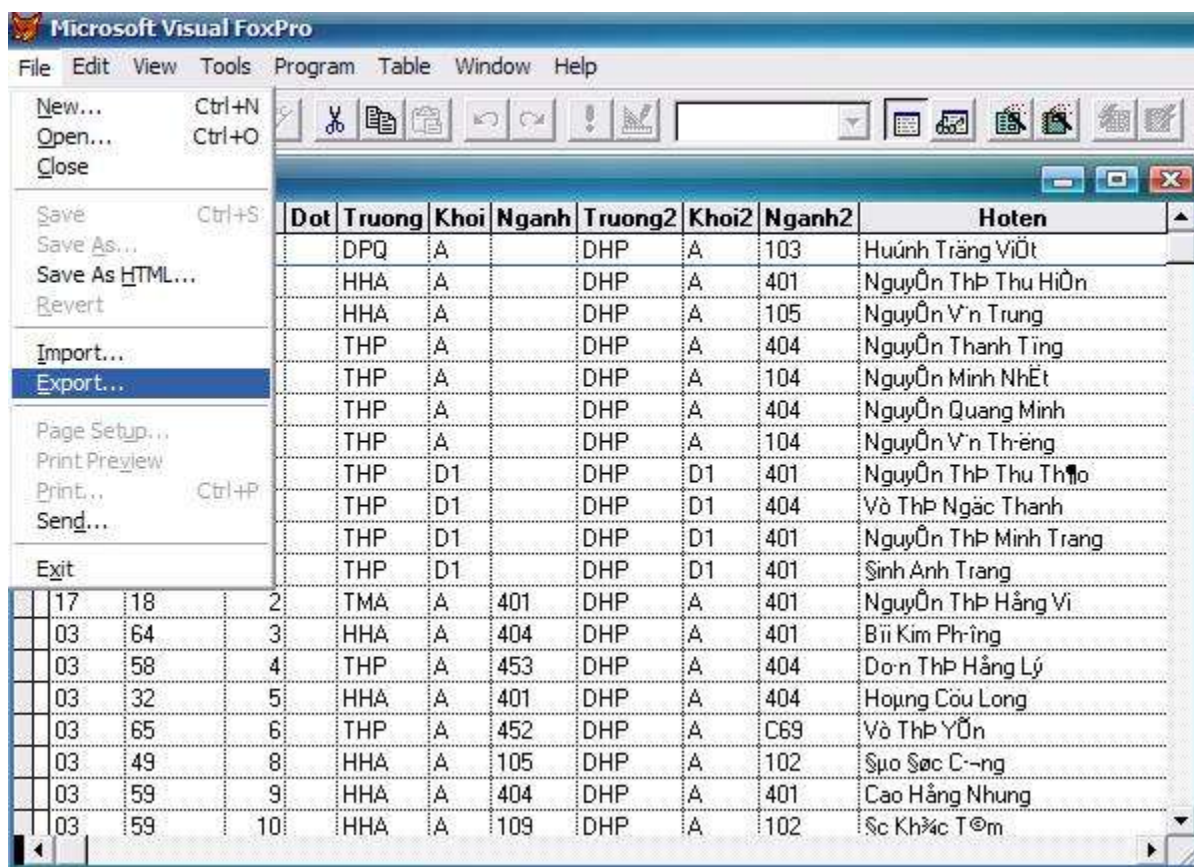
FILESTREAM Data: Kiểu dữ liệu FILESTREAM mới của SQL Server 2008 cho phép dữ liệu nhị phân cỡ lớn được lưu trực tiếp trong một hệ thống file NTFS, trong đó vẫn duy trì gần như toàn bộ cơ sở dữ liệu và duy trì sự nhất quán trong giải quyết nhiệm vụ ứng dụng. Kiểu dữ liệu FILESTREAM mới cho phép sự mở rộng dữ liệu nhị phân kích thước lớn mà trước kia được quản lý bởi cơ sở dữ liệu, được lưu bên ngoài cơ sở dữ liệu cho kinh tế hơn trong lưu trữ mà không cần có các tính năng cho việc truy cập dữ liệu như vậy.

Các cột rải rác: Tính năng này cho hiệu quả cao trong việc quản lý dữ liệu trống ở trong một cơ sở dữ liệu bằng việc cho phép dữ liệu NULL không sử dụng đến khoảng trống vật lý. Ví dụ, cột rải rác cho phép các mô hình đối tượng, điển hình là có một số lượng lớn các giá trị null được lưu trong một cơ sở dữ liệu SQL Server 2008 mà người dùng không cảm nhận thấy cần phải chi phí cho không gian lớn. SQL Server 2008 trừ ra giới hạn 8KB cho các kiểu dữ liệu người dùng định nghĩa (UDT), cho phép người dùng mở rộng kích thước UDT của họ một cách rõ ràng.

3.1.2. Chuyển đổi cơ sở dữ liệu

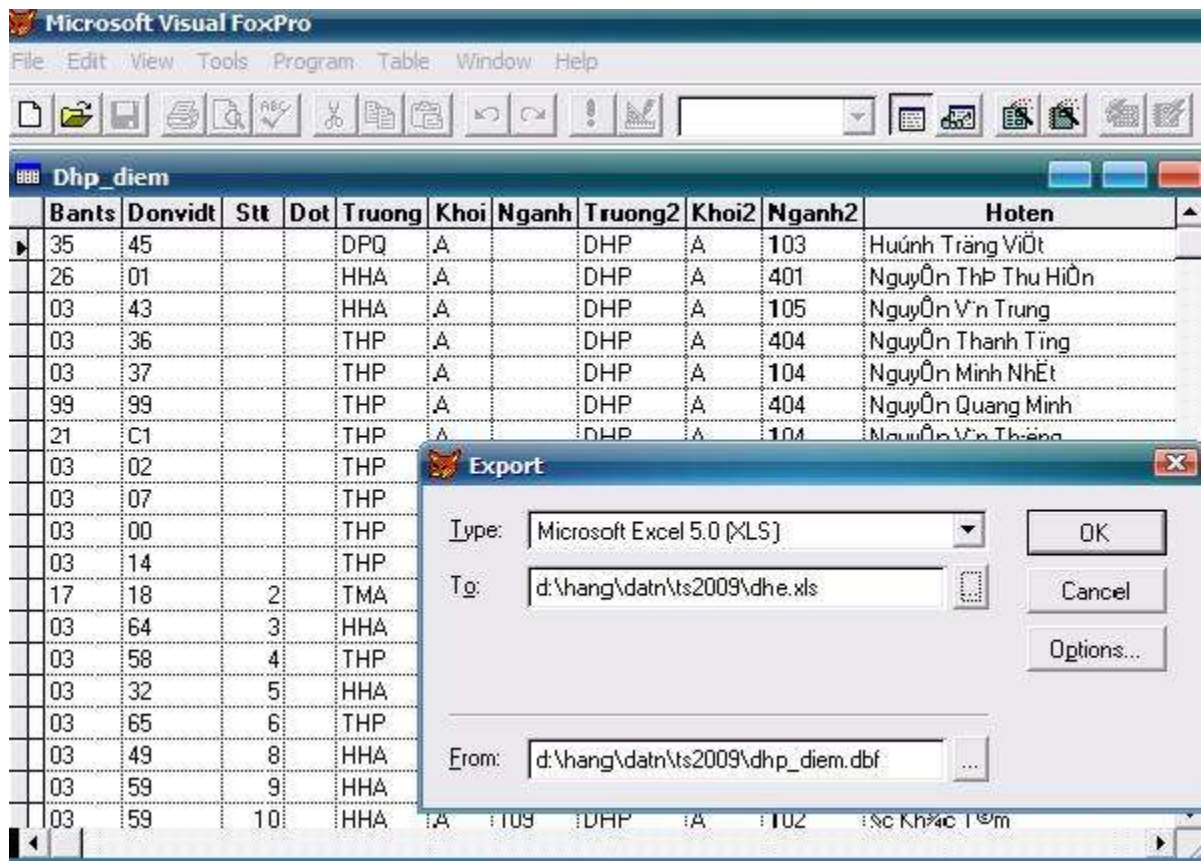
Cơ sở dữ liệu chuẩn của Bộ GD&ĐT được lưu trữ bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu Visual Foxpro. Còn dữ liệu mà website cần sử dụng là SQL Server 2008, vì vậy phải chuyển đổi được từ cơ sở dữ liệu Visual Foxpro sang SQL Server 2008. Quá trình chuyển đổi được thực hiện như sau:

Mở bảng Visual Foxpro (có đuôi .dbf) cần chuyển đổi:



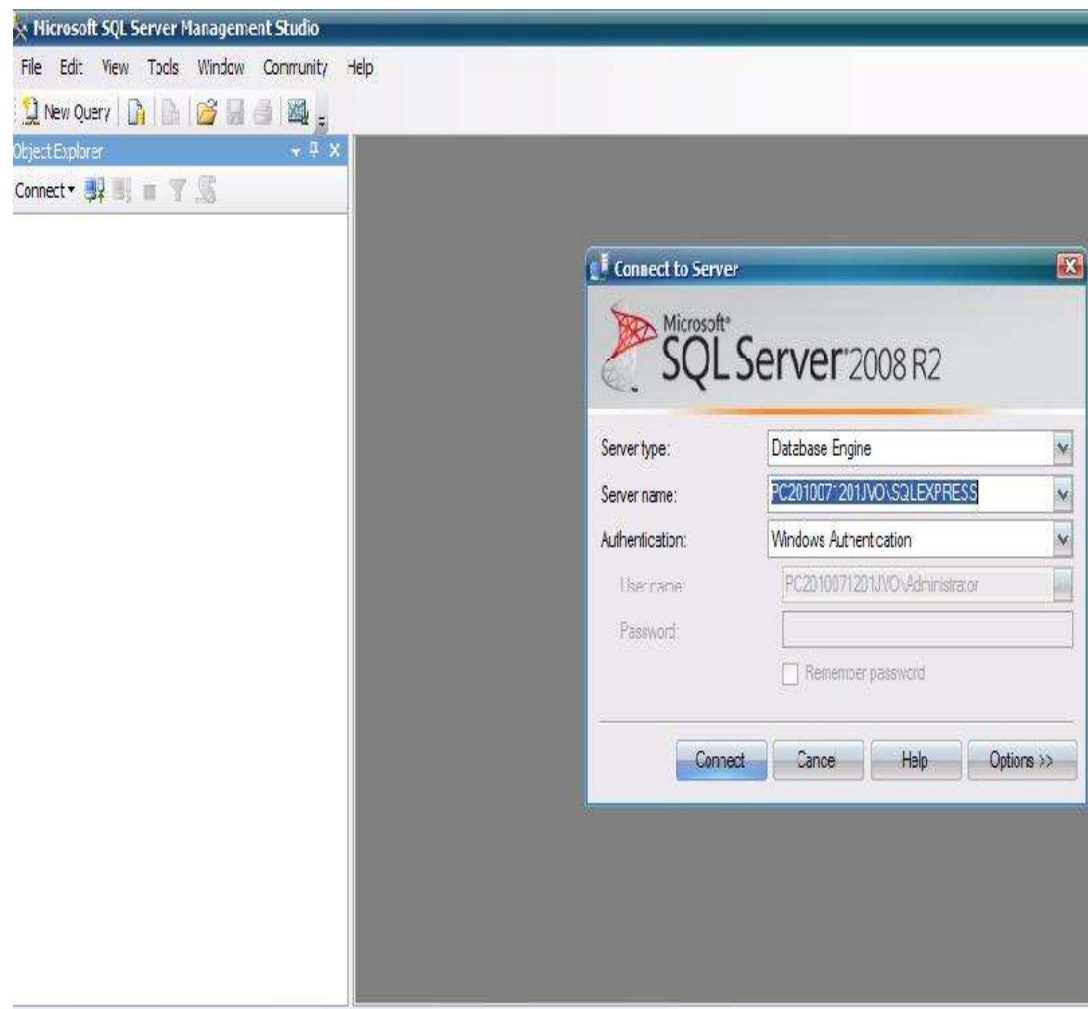
Dot	Truong	Khoi	Nganh	Truong2	Khoi2	Nganh2	Hoten		
	DPQ	A		DHP	A	103	Huỳnh Trùng Vi		
	HHA	A		DHP	A	401	Nguyễn Thị Thu Hiền		
	HHA	A		DHP	A	105	Nguyễn Văn Trung		
	THP	A		DHP	A	404	Nguyễn Thanh Tình		
	THP	A		DHP	A	104	Nguyễn Minh Nhật		
	THP	A		DHP	A	404	Nguyễn Quang Minh		
	THP	A		DHP	A	104	Nguyễn Văn Thành		
	THP	D1		DHP	D1	401	Nguyễn Thị Thu Thảo		
	THP	D1		DHP	D1	404	Võ Thị Ngọc Thanh		
	THP	D1		DHP	D1	401	Nguyễn Thị Minh Trang		
	THP	D1		DHP	D1	401	Sinh Anh Trang		
17	18	2	TMA	A	401	DHP	A	401	Nguyễn Thị Hằng Vi
03	64	3	HHA	A	404	DHP	A	401	Bùi Kim Phụng
03	58	4	THP	A	453	DHP	A	404	Đoàn Thị Hằng Lý
03	32	5	HHA	A	401	DHP	A	404	Hoàng Côi Long
03	65	6	THP	A	452	DHP	A	C69	Võ Thị Yến
03	49	8	HHA	A	105	DHP	A	102	Sào Sào Cường
03	59	9	HHA	A	404	DHP	A	401	Cao Hằng Nhung
03	59	10	HHA	A	109	DHP	A	102	Sóc Khắc Tâm

Vào File/Export

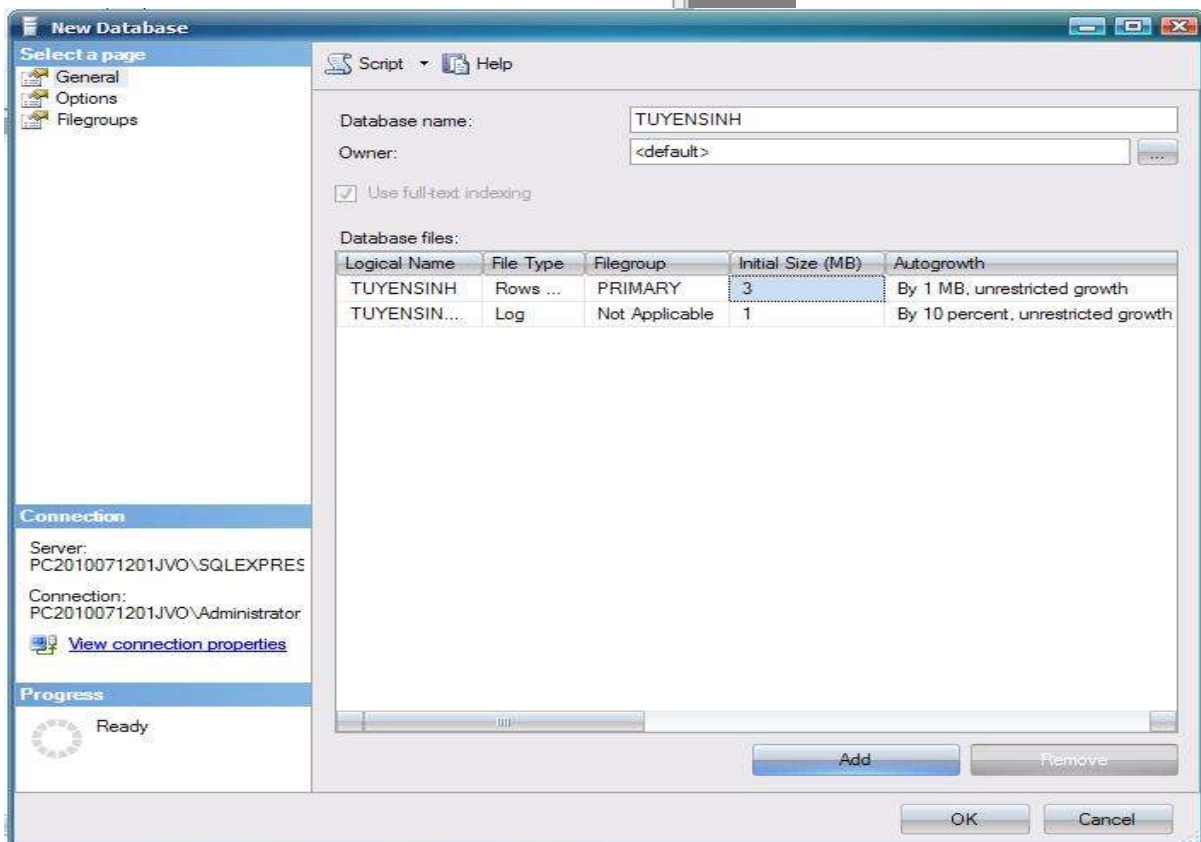
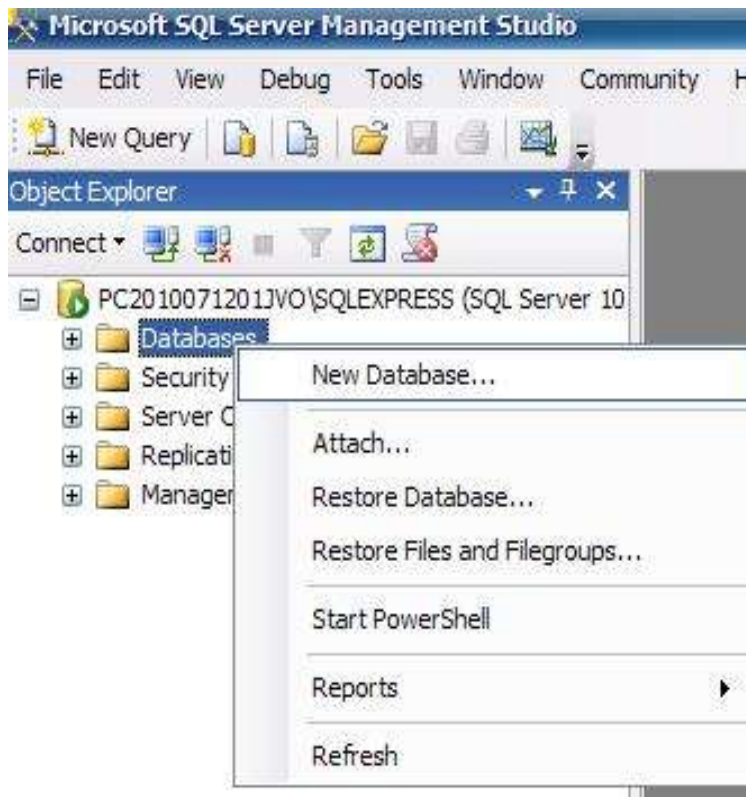


- Type: Chọn Microsoft Excel 5.0 (XLS)
- To: Chọn nơi chứa file Excel.
- OK

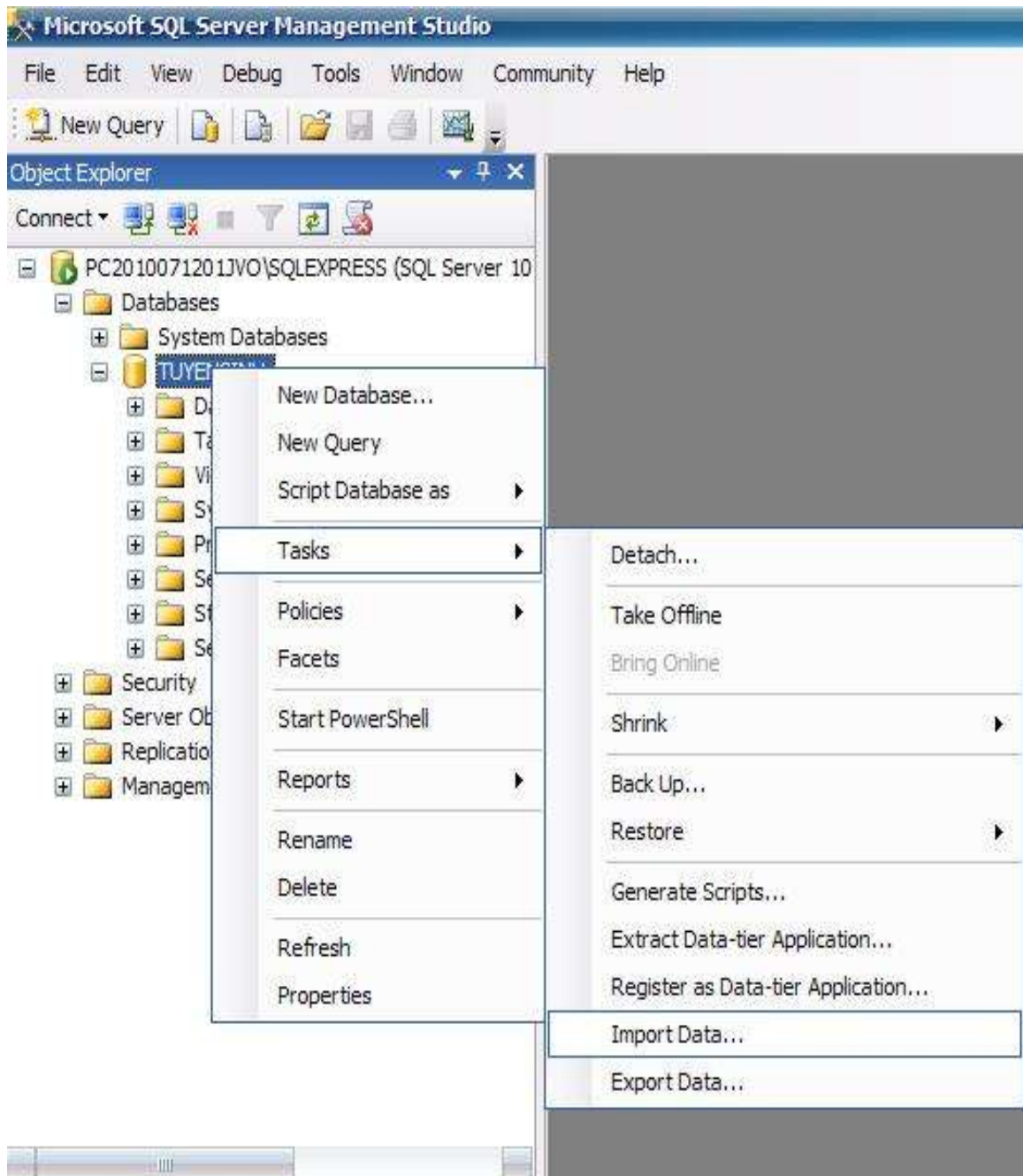
Mở SQL Server 2008/SQL Server Management Studio/Connect



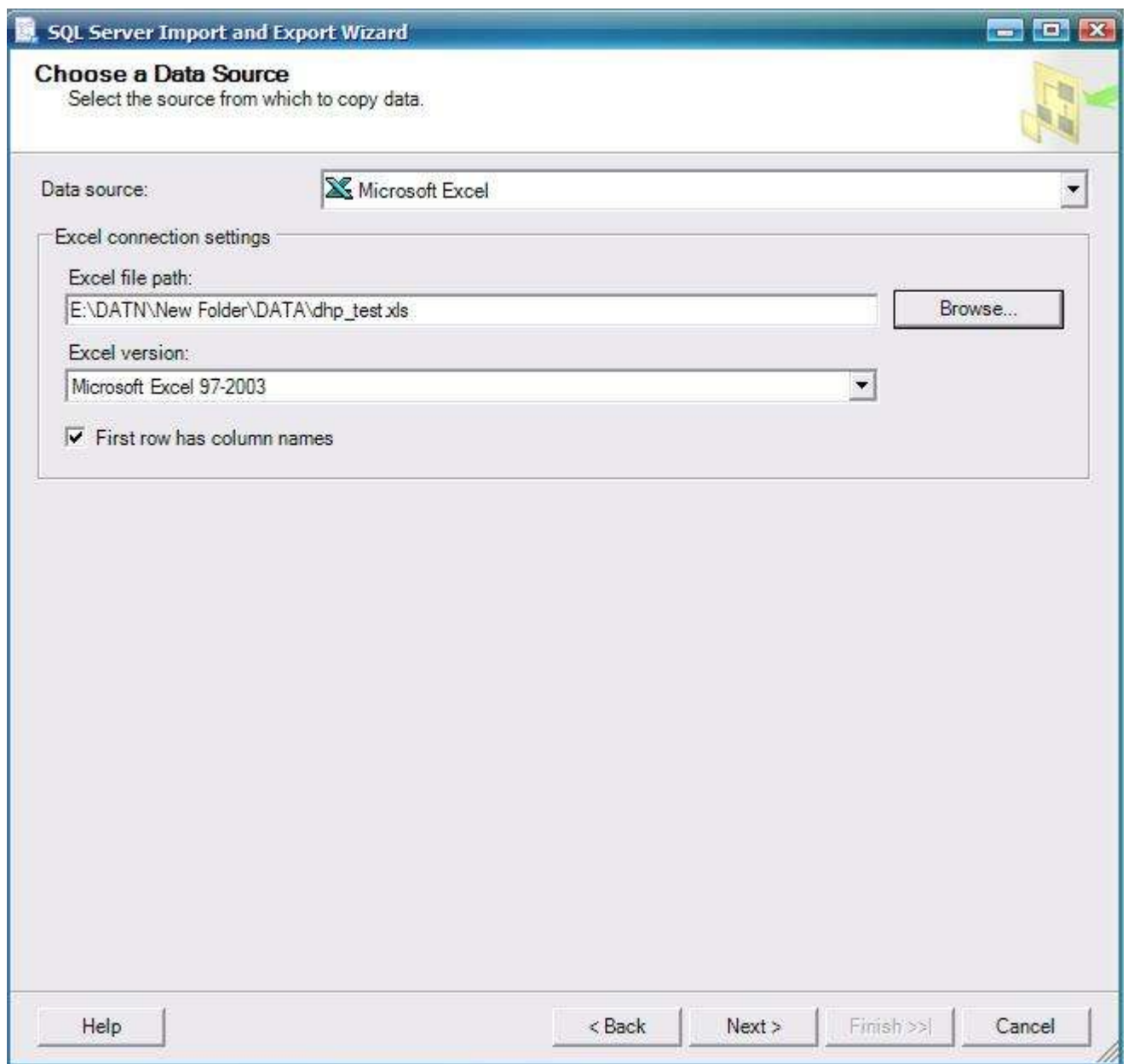
Kích chuột phải Database/New Database



Sau khi tạo xong cơ sở dữ liệu TUYENSINH, kích chuột phải vào TUYENSINH/Task/ImportData...



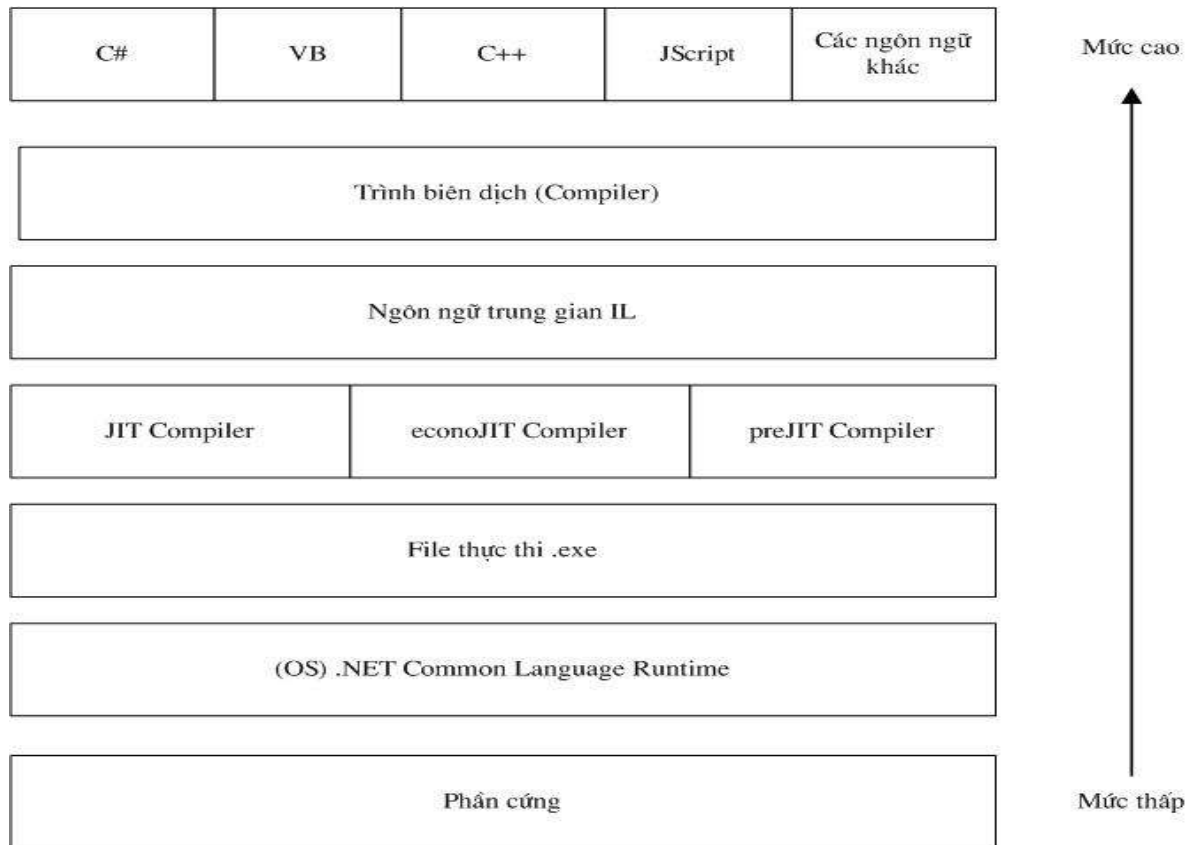
Chọn Data Source, đường dẫn chứa File/Next/Finish.



3.2. GIỚI THIỆU VỀ NGÔN NGỮ ASP.NET

Trên thực tế hiện nay, Internet đã trở thành phương tiện cho chúng ta làm việc, thăm bạn bè, sử dụng tài khoản ngân hàng, chơi, tán ngẫu, rất thực tế và hiệu quả nhờ vào các phần mềm được viết để thực hiện các kết nối IP(Internet Protocol) cho WWW(World Wide Web). Các phần mềm được yêu cầu thực hiện hàng triệu cuộc giao dịch dữ liệu các máy tính với nhau, và số lượng các loại giao dịch này ngày càng tăng theo sự tăng trưởng của khả năng và sự phức tạp của Web. Việc sử dụng thư điện tử, lướt trên các trang Web, trao đổi với các cơ sở dữ liệu và sử dụng các ứng dụng phân tán ngày càng trở lên phức tạp hơn, vì thế trình độ và kỹ thuật lập trình để tạo và bảo dưỡng các phần mềm cũng ngày càng được yêu cầu hơn. Các nhà lập trình chúng ta hằng ngày phải đối diện với COM, COM+, DCOM, SP, SOAP, XML, XSL... Cũng như phải chiến đấu với hàng tá sách hướng dẫn, các bộ công cụ SDK(Software Developer Kit) phức tạp.

Microsoft, cũng như đa số trong chúng ta, đã tạo lên ngày càng nhiều các công cụ chuyên dùng. Hệ điều hành cũng như các ứng dụng Windows đầy đủ tính năng hơn, theo yêu cầu của kỹ thuật, công nghệ, và do đó đã thêm vào không ít các SDK hay các tiêu chuẩn ở chỗ này chỗ nọ. Kết quả là hệ điều hành, thư viện, công cụ trở lên không còn khá chuyên, quá nặng nề với biết bao các mở rộng. Do đó bộ khung .NET ra đời. .NET thực sự thay đổi điều kể trên. Đó không chỉ là một bước tiến, một nâng cấp hay một hợp nhất các công việc. Mà đó chính là một điều vĩ đại, một sự dũng cảm, một cuộc bút phá ngoạn mục. Nó định nghĩa tất cả mọi điều bạn biết về lập trình cho máy PC về tất cả mọi hình thù lẫn kích thước, kể cả ngôn ngữ lập trình trong đó.



Hình: Các tầng của bộ khung .NET

Một số ngôn ngữ hỗ trợ

- C# - Một ngôn ngữ lập trình mới ASP.NET (Active Server Pages .NET) là một công nghệ có tính cách mạng dùng để phát triển các ứng dụng về mạng hiện nay cũng như trong tương lai. Bạn lưu ý ở chỗ ASP.NET là một phương pháp tổ chức hay khung tổ chức để thiết lập các ứng dụng hết sức hùng mạnh cho mạng dựa trên CLR (Common Language Runtime) chứ không phải là một ngôn ngữ lập trình. Ngôn ngữ lập trình dùng để diễn đạt ASP.NET là Visual Basic.NET, C#.NET...

Tuy mang họ tên gần giống như ASP cổ điển nhưng ASP.NET không phải ASP. Ta có thể tóm tắt sự thay đổi đó như sau:

- Tập tin của ASP.NET (ASP.NET file) có extension là .ASPX còn tập tin của ASP là .ASP.

- Tập tin của ASP.NET (ASP.NET file) được phân tích ngữ pháp (parsed) bởi XSPISAPI.DLL còn tập tin của ASP được phân tích bởi ASP.DLL.

- ASP.NET là kiểu mẫu lập trình phát động bằng sự kiện (event driver) còn các trang ASP được thi hành theo thứ tự tuần tự từ trên xuống dưới.

- ASP.NET sử dụng trình biên dịch (compiled code) nên rất nhanh còn ASP dùng trình thông dịch (interpreted code) do đó hiệu suất và tốc độ phát triển cũng thua sút hẳn.

- ASP.NET hỗ trợ gần 25 ngôn ngữ lập trình mới với .NET và chạy trong mọi trình biên dịch (compiled environment), còn ASP chỉ chấp nhận VBScript và JavaScript nên ASP chỉ là một scripted language trong môi trường thông dịch. Không những vậy ASP.NET còn kết hợp nhuần nhuyễn với XML (Extensible Markup Language) để chuyển vận các thông tin (information) qua mạng.

- ASP.NET hỗ trợ tất cả các browser và quan trọng hơn nữa là các thiết bị lưu động như mobile devices.

Khởi đầu với tên gọi là Cool vào khoảng năm 2000, C# đã tạo ra vô số các cuộc tranh luận lớn trên nền .NET. Từ các huyền thoại, các đồn đại và các ước đoán, C# ngày nay đã thực sự trở thành một ngôn ngữ đơn giản, hoàn toàn hướng đối tượng và rất tuyệt vời. Các đặc trưng này của C# cũng gần giống với những tuyên bố của Java? Dù có hay không thì rõ ràng các nhà thiết kế C# đã rất muốn tạo ra một ngôn ngữ có thể làm vừa lòng giới lập trình C++. C# dễ đáp ứng với họ và có không ít cấu trúc gần giống như C++.

C# không hỗ trợ đa thừa kế: Một lớp (Class) của C# có thể được khai báo là có thể dựng nên 1 hay nhiều các interface (giao diện hay giao tiếp), nhưng tính đa kế thừa của các lớp (Classes) cơ bản lại không được chấp nhận. Đối với một số lập trình viên, đặc biệt là những ai yêu thích ALT, thì tính chất này được xem là một bất cập.

Hệ thống C# cũng không cho phép sử dụng bất kỳ các kiểu mẫu template nào cả. Có thể xem C# và Java có thể được xem như những con ngựa trên những đường đua khác nhau, chúng có thể cùng tồn tại và chung sống hòa bình. C# và toàn bộ hệ thống .NET sẽ là công cụ tốt cho việc kết hợp các ứng dụng khách và các ứng dụng phía máy chủ, còn Java có những khuyết điểm rõ ràng cho phần máy khách.

C# là một ngôn ngữ hoàn toàn hướng đối tượng (totally object – oriented). C++ bắt nguồn từ C trước hết đó là một sự bổ sung phức hợp cho C, sau đó là một sự cố gắng thực sự của định hướng đối tượng. Để tốt hơn C++ phải giữ lại một số đặc điểm của ngôn ngữ không hướng đối tượng: Đó là các hàm độc lập và các biến toàn cục. C# thì khác nó tuyệt giao hoàn toàn với các đặc tính như thế. Một kiểu biến, kể cả kiểu giá trị đơn giản, đều được xem xét như là một đối tượng. Mọi hàm đều phải thuộc một lớp (Class). Không còn được dùng các biến toàn cục.

3.2.1. TRUY XUẤT CSDL TRONG ASP.NET

Một ứng dụng Web Database viết bằng ASP.NET có thể truy xuất dữ liệu trong một Database bằng cách sử dụng thư viện ADO.NET (ActiveX Data Object .NET). Đây là công nghệ của Microsoft, phát triển tự nhiên từ ADO, nó cung cấp các đối tượng và hàm thư viện dùng để kết nối và xử lý trên CSDL.

ADO.NET cung cấp kỹ thuật truy xuất CSDL dễ dàng và nhanh chóng thông qua ngôn ngữ Script đơn giản và linh động. Các ứng dụng dùng ADO.NET rất dễ hiểu, đạt hiệu quả cao với chi phí thấp. Những Object mà ADO.NET cung cấp có thể tạo kết nối với hầu hết các kiểu Database, cũng như việc truy xuất, cập nhật các Database này.

ADO.NET có 5 đối tượng chính là: Connection, Command, Parameter, DataReader và DataAdapter. Ngoài ra nó còn có các đối tượng, tham số, thuộc tính, phương thức con.

- Thuộc tính và phương thức của Connection:

- + `ConnectionString`: loại Data Source cần kết nối.
- + `Open ()`: thiết lập kết nối đến Data Source.
- + `Close ()`: ngắt kết nối đến Data Source.
- Thuộc tính và phương thức của `Command`:
 - + `Connection`: kết nối dùng để thực hiện câu lệnh.
 - + `CommandText`: câu lệnh cần thực hiện trên Data Source.
 - + `CommandType`: loại câu lệnh trong `CommandText` (`Text`, `TableDirect`, `StoredProc`).
 - + `ExecuteScalar()`: thực hiện câu lệnh trong `CommandText`, kết quả trả về là một giá trị đơn.
 - + `ExecuteNonQuery()`: thực hiện câu lệnh trong `CommandText`, không có kết quả trả về.
 - + `ExecuteReader()`: thực hiện câu lệnh trong `CommandText`, kết quả trả về là một `DataReader`.
- Thuộc tính và phương thức của `DataReader`:
 - + `HasRow`: cho biết vẫn truy vấn có trả về dữ liệu không.
 - + `Read()`: đọc một mẫu tin vào `DataReader`.
 - + `Close()`: đóng `DataReader`.
- Thuộc tính và phương thức của `DataAdapter`:
 - + `Fill(Dataset)`: dùng `SelectCommand` lấy dữ liệu từ Data Source đổ vào `DataSet`.
 - + `Update(Dataset)`: dùng `InsertCommand`, `UpdateCommand` và `DeleteCommand` cập nhật dữ liệu trong `DataSet` vào Data Source.

3.2.2. CÀI ĐẶT VÀ TRIỂN KHAI

3.2.2.1. Cài đặt ASP.NET

Cài Internet Information Server (IIS): Start, setting, Control Panel, Add/Remove Programs và nhấp đơn Add/Remove Windows Components, chọn Internet Information Server, Next. Để kiểm tra trình chủ ISS đã khởi động và tạo hoạt động tốt, bạn có thể gõ địa chỉ cục bộ <http://localhost/> hoặc <http://127.0.0.1>. Kết quả, trình duyệt sẽ hiển thị trang web mặc định (Default.asp) của ISS cùng với trang hướng dẫn sử dụng ASP.NET.

Cài MS Visual Studio.NET (C#2008).

3.2.2.2. Yêu cầu về hệ điều hành và phần mềm cơ sở dữ liệu

ASP.NET là công nghệ của Microsoft nên cũng như hầu hết các công nghệ của hãng, nó chỉ hoạt động trên các hệ điều hành của hãng cung cấp. Đó là Windows NT, Windows 9x, Windows 2000, Windows XP. Ta có thể thử nghiệm trên PC mà không cần máy chủ, muốn vậy cần phải có các phần mềm giả lập Server: PWS với Windows 9x, IIS với các phiên bản Windows còn lại. Việc thử nghiệm với Server giả lập trên máy Local (Offline) và triển khai trên mạng thật có sự khác nhau là không đáng kể. Nếu Site hoạt động tốt ở dạng Offline thì nó cũng hoạt động tốt ở dạng Online.

Về cơ sở dữ liệu cần sự hỗ trợ của SQL Server.

3.2.2.3. Môi trường hoạt động của website

Chương trình được xây dựng để có thể chạy trên tất cả các trình duyệt web phổ biến hiện nay như: IE, Mozilla Firefox, Google Chrome.

3.2.2.4. Thiết kế và các ràng buộc

Hiện nay các máy tính phổ biến ở Việt Nam là các máy tính có cấu hình trung bình, do vậy website phải được thiết kế sao cho có thể chạy được trên tất cả các máy tính có cấu hình phổ thông. Có thể tham khảo cấu hình cơ bản như sau : cpu 1.7Ghz, ram 256MB, 512MB dung lượng bộ nhớ trống. Hệ điều hành phổ biến

được sử dụng là Window XP. Vì vậy yêu cầu được đặt ra là website phải chạy được tốt trên các máy tính có cấu hình thấp như vậy.

Vấn đề được nảy sinh ở đây là tốc độ của đường truyền Internet phải phù hợp để có thể mang lại hiệu quả cao cho người dùng. Hiện nay, đường truyền Internet phổ thông ở Việt Nam có tốc độ khá chậm, do vậy yêu cầu thiết kế website sao cho có thể hoạt động mang lại hiệu quả cao trên đường truyền internet có tốc độ chậm ví dụ như là dial - up.

Về thiết kế: website sử dụng ngôn ngữ ASP.NET nhằm đạt được sự tương tác cao nhất với người dùng, ngôn ngữ được sử dụng trên website là tiếng Việt.

3.3. KẾT QUẢ XÂY DỰNG WEBSITE

3.3.1. Đăng ký hồ sơ trực tuyến


3.3.1.1. Mô tả

Đây là một trong những chức năng nổi bật của chương trình, người dùng muốn tạo một bộ hồ sơ dự thi đại học thì đây là bước đầu tiên và bắt buộc phải làm. Tính năng này cung cấp cho người dùng cách thức điền bộ hồ sơ thi đại học trên mạng Internet, sau đó in ra trang bìa, phiếu số 1, phiếu số 2.

3.3.1.2. Hoạt động của người dùng và những hồi đáp của website

Chức năng này được bắt đầu khi người dùng truy nhập vào website và kết thúc khi in ra đầy đủ bộ hồ sơ và đăng ký các thông tin vừa điền. Công việc của người dùng là điền cho đủ thông tin yêu cầu, đến khi nào không còn thông báo thiếu thông tin thay vào đó là thông báo **nhập đủ thông tin. Bạn có thể in phiếu**. Thiếu thông tin nào người dùng sẽ được nhắc điền mục đó. Yêu cầu:

- Họ tên (Họ, chữ đệm và tên của thí sinh): Điền đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu (bằng bộ gõ Unicode).
- Giới tính: Đánh dấu Nam hoặc Nữ.
- Ngày sinh: Ghi đủ ngày, tháng, năm phân cách bằng dấu '/'

- Hộ khẩu, Đơn vị ĐKDT, Lớp 10, Lớp 11, Lớp 12: Điền bằng cách nháy chuột vào  sau đó chọn từ danh sách. Danh sách sẽ liệt kê theo tỉnh, bạn ở tỉnh nào thì chọn tỉnh đó rồi nháy chuột vào tên trường hoặc tên huyện bạn muốn.
- Năm tốt nghiệp: Gõ đủ 4 số.
- Số CMT: Chú ý gõ chính xác.
- Đối tượng: Bạn thuộc diện nào thì đánh dấu vào đó.
- Khu vực: Bạn ở khu vực nào thì đánh dấu vào đó.
- Nguyên vọng: Điền đủ mã trường, khối thi và mã ngành.
- Số điện thoại: Điền số điện thoại bàn hoặc di động.
- Địa chỉ báo tin: Điền rõ địa chỉ báo tin.

Trong trường hợp trường mà bạn đăng ký dự thi lại không tổ chức thi bạn sẽ phải điền mục *NVI vào trường không tổ chức thi* để chọn trường bạn sẽ học. **Hãy đọc kỹ hướng dẫn ghi mục 3 trong hồ sơ đăng ký dự thi.**

Khi đã điền đầy đủ thông tin, chọn nút kiểm tra phiếu để xem trước khi in ra sau đó chọn nút in để in hồ sơ. Cuối cùng chọn nút đăng ký để lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu.

3.3.1.3. Yêu cầu chức năng

Các tính năng phải cho hiệu quả cao. Cách bố trí các vị trí của các tính năng này trên website phải hợp lý. Các dòng nhập dữ liệu phải trình bày hài hòa, dễ nhìn và đầy đủ. Hồ sơ in ra phải đúng mẫu theo quy định. Các nút thực hiện trước tiên phải được ẩn đi. Thông tin người đăng ký được lưu vào cơ sở dữ liệu. Để tránh nhập và in ra thông tin sai người dùng nên đọc kỹ phần hướng dẫn và các tài liệu quy định có sẵn.

3.3.2. Nộp hồ sơ trực tuyến

3.3.2.1. Mô tả

Tính năng này cung cấp cho cán bộ thu nhận hồ sơ cách thức để chọn lọc hồ sơ, lấy được dữ liệu xác thực nhất lưu vào cơ sở dữ liệu. Trong thực tế việc kiểm soát thông tin người dùng nhập từ Website là điều khó khăn, cơ sở dữ liệu thu được có những thông tin sai là điều không tránh khỏi. Vậy làm thế nào để có được dữ liệu có thông tin chính xác nhất? Câu hỏi này đã được trả lời trong chức năng nộp hồ sơ trực tuyến.

3.3.2.2. Hoạt động của người dùng và những hỏi đáp của website

Để thực hiện được chức năng này cán bộ thu nhận hồ sơ phải đăng nhập vào website với tài khoản và mật khẩu được cung cấp, trang nộp hồ sơ được mở ra, khi có yêu cầu nộp hồ sơ cán bộ thu nhận sẽ tìm kiếm bộ hồ sơ mà người dùng đã đăng ký qua mạng bằng cách so sánh mục số phiếu. Khi chọn đúng số phiếu của bộ hồ sơ thí sinh mang đến các thông tin chính của thí sinh được hiện ra nếu thấy trùng khớp cán bộ thu nhận sẽ chọn nút nộp để lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu.

3.3.2.3. Yêu cầu chức năng

Cách thức tìm kiếm phải đơn giản, dễ thực hiện. Mật khẩu phải có tính bảo mật cao. Cán bộ thu nhận hồ sơ khi chọn ô số phiếu thông tin trên website được đưa ra nhanh chóng và trùng với thông tin trong bộ hồ sơ của thí sinh. Phải đảm bảo có dòng thông báo bạn đã nộp hồ sơ vì khi đó chính xác thông tin về thí sinh đã được lưu vào cơ sở dữ liệu.

3.3.3. Tra cứu điểm trực tuyến

3.3.3.1. Mô tả

Hầu hết người dùng đều thích tính năng này đặc biệt khi mà các sĩ tử đã thi xong tất cả các môn thi đại học. Hiện nay thói quen xem điểm thi trên mạng của người dùng chưa được cao một phần do có nhiều kênh tra cứu phần quan trọng hơn do chưa nhiều trang tra cứu trên mạng nếu có thì cách thức khá phức tạp làm mất

nhiều thời gian. Nhằm khắc phục những khuyết điểm và phát huy những ưu điểm trang tra cứu điểm thi đại học trực tuyến của website được xây dựng với giao diện đẹp, dễ thực hiện và hỗ trợ nhiều thông tin bổ ích khác. Đặc biệt người dùng có thể in ra phiếu điểm để thuận tiện cho việc theo dõi.

3.3.3.2. Hoạt động của người dùng và những hồi đáp của website

Không giống các chức năng trên là đưa thông tin của người dùng vào cơ sở dữ liệu, chức năng này lấy thông tin có sẵn từ cơ sở dữ liệu cho người dùng xem. Trước tiên người dùng xem danh sách các trường đã có điểm để biết trường mình thi đã có điểm hay chưa? Muốn xem điểm người dùng cần nhập vào dòng mã trường, khối thi và số báo danh, khi đã nhập đúng các thông tin trên chọn nút tìm kiếm ngay lập tức thông tin về người dùng sẽ được đưa ra. Muốn biết điểm của mình có nằm trong top 100 của cả nước hay không thì sau khi xem điểm chọn nút top 100. Để tiện cho việc theo dõi điểm người dùng có thể in ra phiếu điểm.

3.3.3.3. Yêu cầu chức năng

Chức năng này phải cho độ chính xác cao, cách thức tìm kiếm đơn giản. Dữ liệu được hiển thị trên website phải nhìn thấy rõ ràng. In được thông tin điểm chính xác của người dùng.

3.3.4. Tổ chức thư mục và tập tin

- Các trang Web thiết kế sẽ được lưu trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen
- Những tập tin hình ảnh dùng trong trang web đặt trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen\images
- Phần cơ sở dữ liệu được đặt trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen\database\TUYENSINH_Data.MDF
- Các chỉ thị Include được đặt trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen\Includes
- Các kịch bản Cascader Style Sheet được đặt trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen\Css

- Phần quản trị được đặt trong thư mục:
 - + C:\Hosotructuyen\Admin

3.3.6. Nội dung các trang

- Trang Index.aspx: trang chủ của hệ thống.
- Trang Login.aspx: nhập các thông tin khi đăng nhập hệ thống.
- Các trang:
 - + Dienhoso.aspx
 - + Inbia.aspx
 - + Lop10.aspx
 - + Lop11.aspx
 - + Lop12.aspx
 - + Toso1.aspx
 - + Toso2.aspx

Cho phép đăng ký hồ sơ trực tuyến.

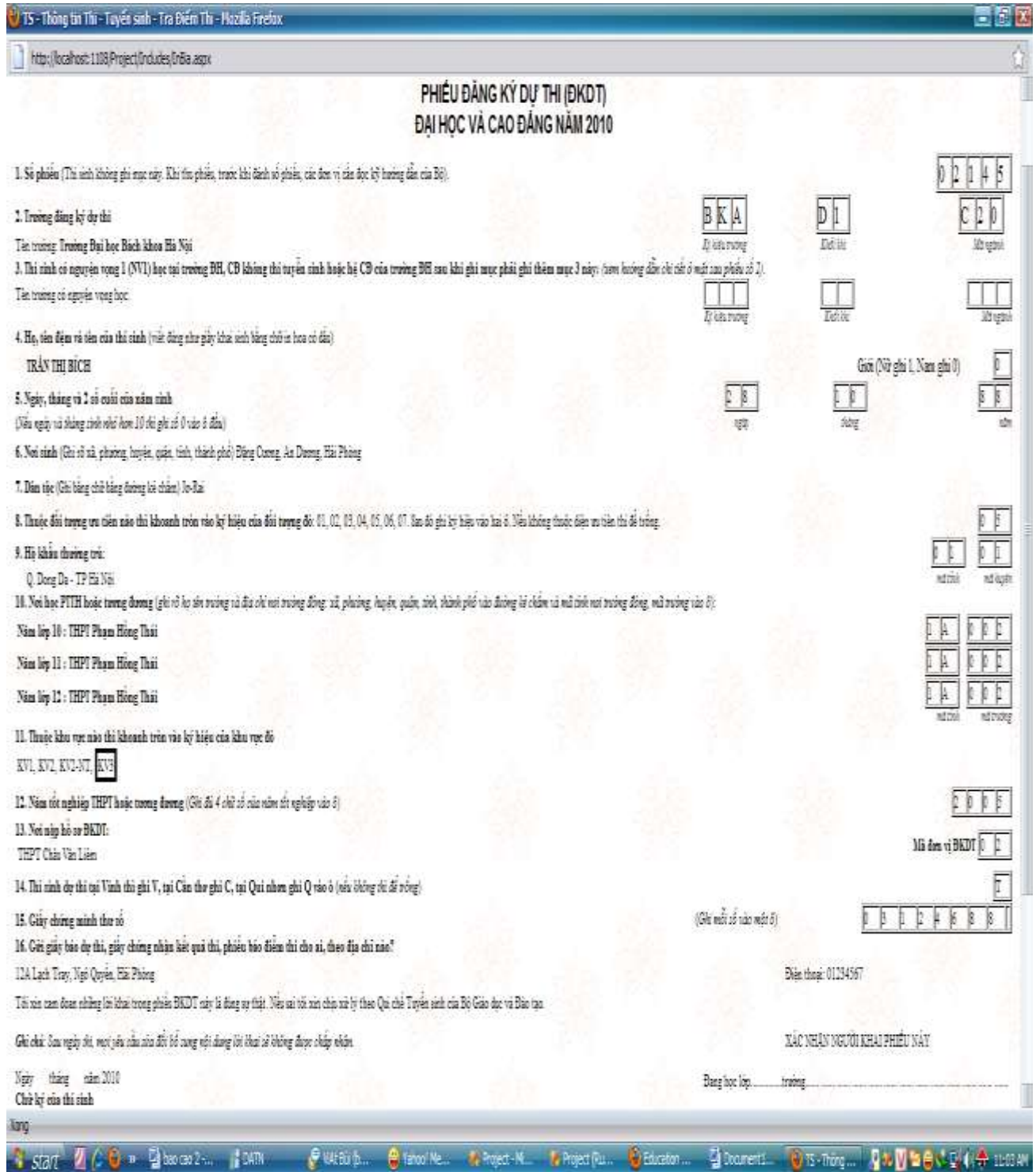
- Trang Nophoso.aspx: lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu gốc.
- Các trang:
 - + DsTruongCoDiem.aspx
 - + TraDiemThi.aspx

Cho phép tra cứu và hiển thị thông tin điểm.

- Trang Thongke.aspx: thống kê số lượng hồ sơ.

3.4. KẾT QUẢ CHẠY THỬ

- Tờ bìa sau khi đăng ký trực tuyến được in ra:



- Tờ phiếu số 1:

TS - Thông tin Thi - Tuyển sinh -- Mozilla Firefox

http://localhost:1108/Project/Includes/Toso1.aspx

1. Số phiếu (Thi sinh không ghi mục này. Khi in phiếu, trước khi đánh số phiếu, các đơn vị cần đọc kỹ hướng dẫn của Bộ).

2. Trường đăng ký dự thi
 Tên trường: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

3. Thi sinh có nguyện vọng 1 (NV1) học tại trường ĐH, CĐ không thi tuyển sinh hoặc hệ CĐ của trường ĐH sau khi ghi mục phải ghi thêm mục 3 này: (xem hướng dẫn chi tiết ở mặt sau phiếu số 2).
 Tên trường có nguyện vọng học:

4. Họ, tên đệm và tên của thi sinh (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
 TRẦN THỊ BÍCH

5. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh
 (Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ở đầu)

6. Nơi sinh (Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố) Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng

7. Dân tộc (Ghi bằng chữ bằng tiếng kê chêm) Jo-Rai

8. Thuộc đối tượng ưu tiên nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07. Sau đó ghi ký hiệu vào hai ô. Nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống.

9. Hộ khẩu thường trú
 Q. Dong Da - TP Hà Nội

10. Nơi học PTTH hoặc tương đương (ghi rõ họ tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố vào đường kẻ chấm và mã tỉnh nơi trường đóng, mã trường vào ô).

Năm lớp 10 : THPT Phạm Hồng Thái
 Năm lớp 11 : THPT Phạm Hồng Thái
 Năm lớp 12 : THPT Phạm Hồng Thái

11. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó
 KV1, KV2, KV2-NT, KV3

12. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (Ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)

13. Nơi nộp hồ sơ ĐKDT:
 THPT Chăm Văn Liêm

14. Thi sinh dự thi tại Vinh thì ghi V, tại Cần thơ ghi C, tại Qui Nhơn ghi Q vào ô (nếu không đủ để trống)

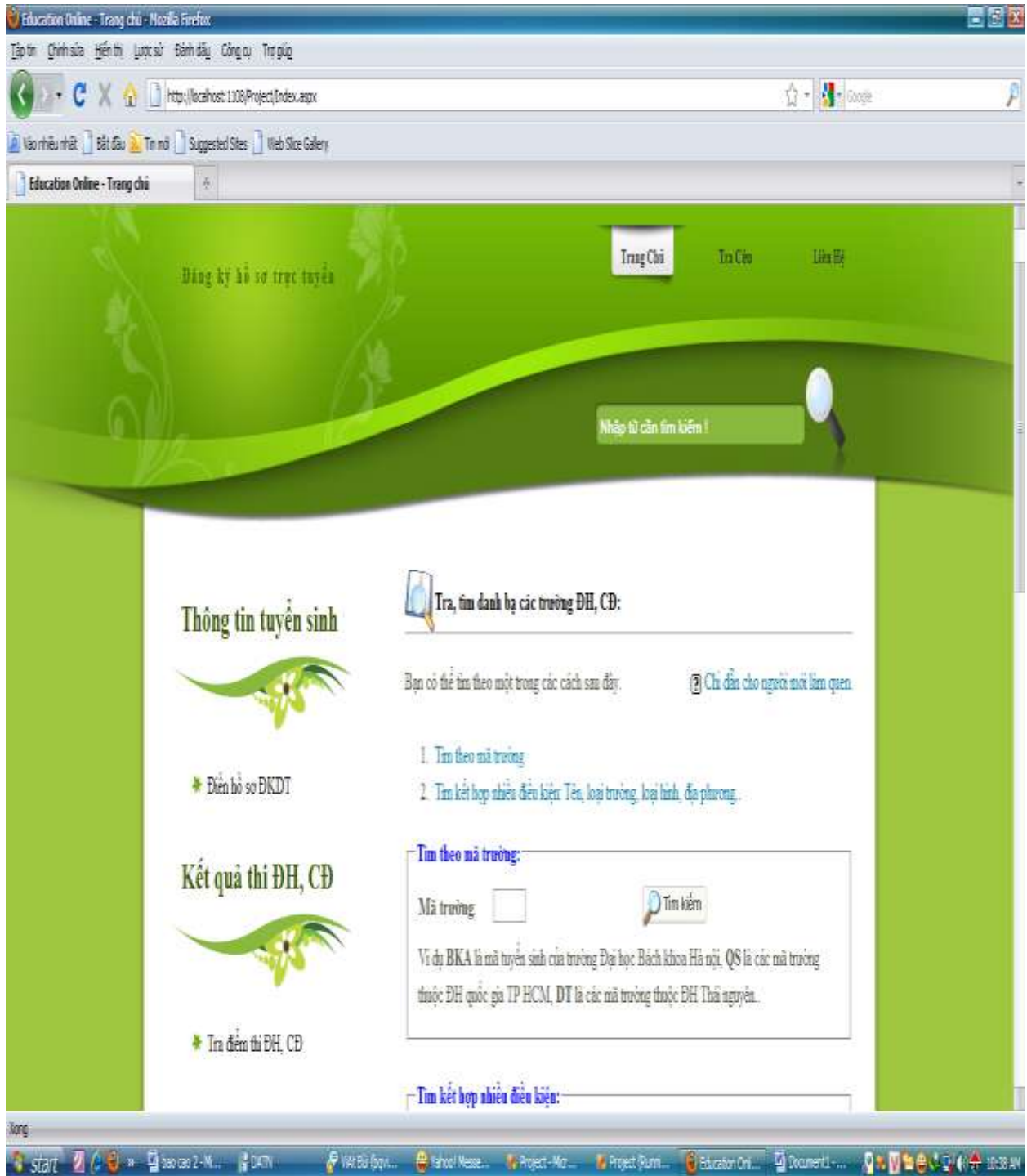
15. Cần đính kèm ảnh cỡ

Ngày

TS - Thông tin Thi - Tuyển sinh

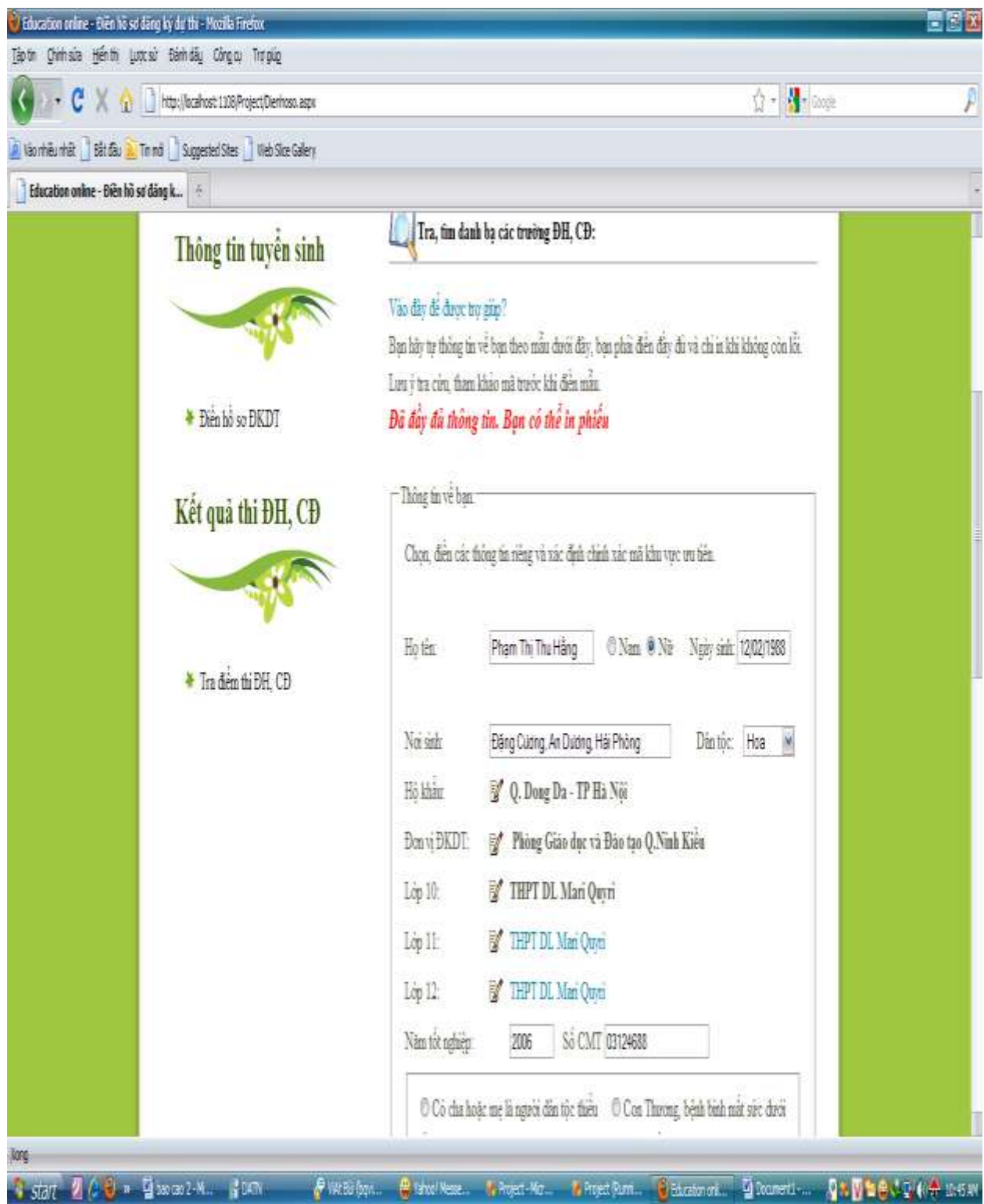
3.5. MỘT SỐ GIAO DIỆN WEBSITE

3.5.1. Giao diện chính của Website



3.5.2. Giao diện điền hồ sơ

Thí sinh nhập thông tin theo hướng dẫn.

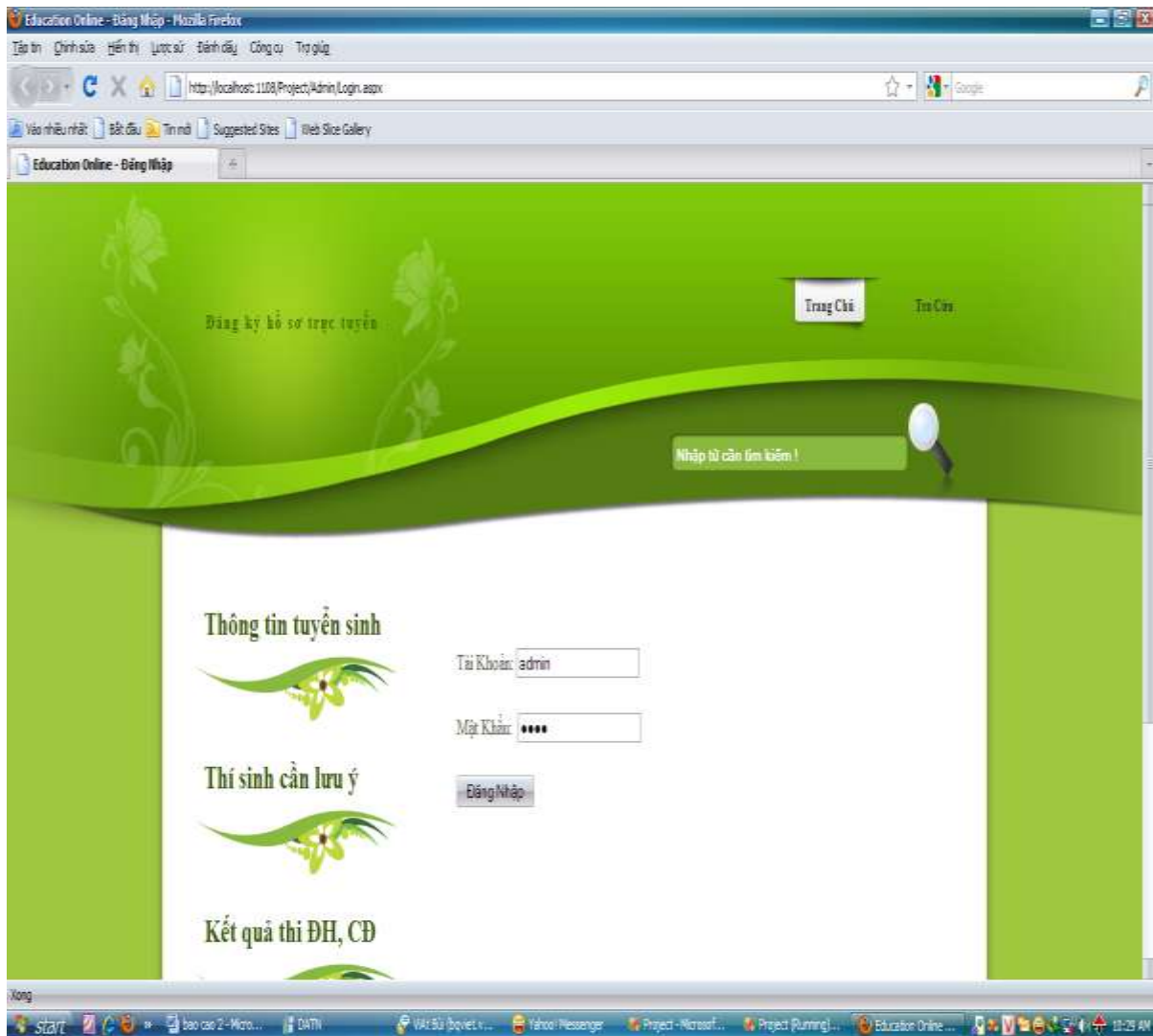


Kích chuột vào **Kiểm tra phiếu**, khi nào có dòng thông báo “đầy đủ thông tin. Bạn có thể in phiếu” màu đỏ thì quá trình nhập hoàn thành. Chọn vào nút **In bìa, Tờ1, Tờ2** để tiến hành in. Cuối cùng kích chọn **Đăng ký** để đăng ký hồ sơ trực tuyến.

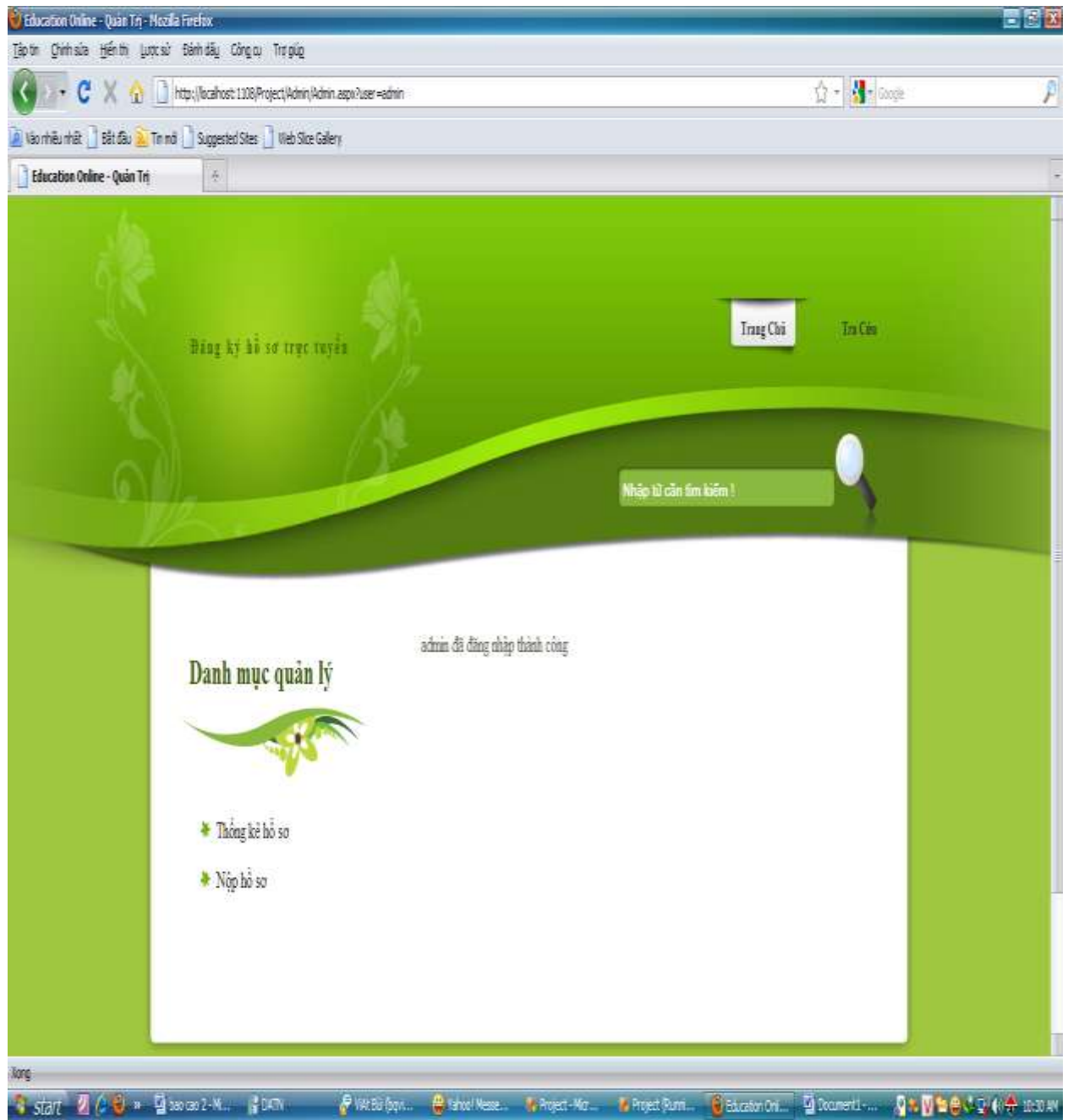


3.5.3. Giao diện nộp hồ sơ

Khi thí sinh đến nộp hồ sơ thì cán bộ thu nhận hồ sơ đăng nhập vào Website với tên tài khoản là admin, mật khẩu là 1234, kích chuột vào Đăng nhập.



Trang sau khi đăng nhập. Chọn mục **Nộp hồ sơ**.



Trang nộp hồ sơ: Cán bộ thu nhận hồ sơ đánh số phiếu hiển thị ở dòng số phiếu trong bộ hồ sơ mà thí sinh đến nộp vào dòng số phiếu trên Website, kích chọn vào **Tìm**, thông tin thí sinh có số phiếu vừa tìm hiện ra, kích chọn **Nộp**. Quá trình nộp hoàn thành, thông tin thí sinh đã được lưu vào cơ sở dữ liệu

The screenshot shows a web browser window titled "Education Online - Điền Hồ Sơ" with the URL "http://localhost:1199/Project/Admin/NopHoSo.aspx". The page displays a form for entering student information. The form includes a search button labeled "Tìm" and a "Thông kê hồ sơ" link. The form fields are as follows:

Số phiếu	2144	<input type="button" value="Tìm"/>
Họ tên	<input type="text" value="Phạm Thị Thu Hằng"/>	
Giới tính	<input type="text" value="NỮ"/>	
Ngày sinh	<input type="text" value="12/02/1988"/>	
Nơi sinh	<input type="text" value="Đông Cường, An Dương"/>	
Dân tộc	<input type="text" value="Hoa"/>	
Hộ khẩu	<input type="text" value="Chưa nhập"/>	
Đơn vị đăng ký	<input type="text" value="Chưa nhập"/>	
Lớp 10	<input type="text" value="THPT DL Mai Quỳnh(1A)"/>	
Lớp 11	<input type="text" value="THPT DL Mai Quỳnh(1A)"/>	
Lớp 12	<input type="text" value="THPT DL Mai Quỳnh(1A)"/>	
Năm tốt nghiệp	<input type="text" value="2006"/>	
Số CMND	<input type="text" value="03124688"/>	
Độc trú	<input type="text" value="KV2"/>	
Nhóm ưu tiên	<input type="text" value=""/>	
Trường	<input type="text" value="BVS"/>	
Khối	<input type="text" value="A"/>	

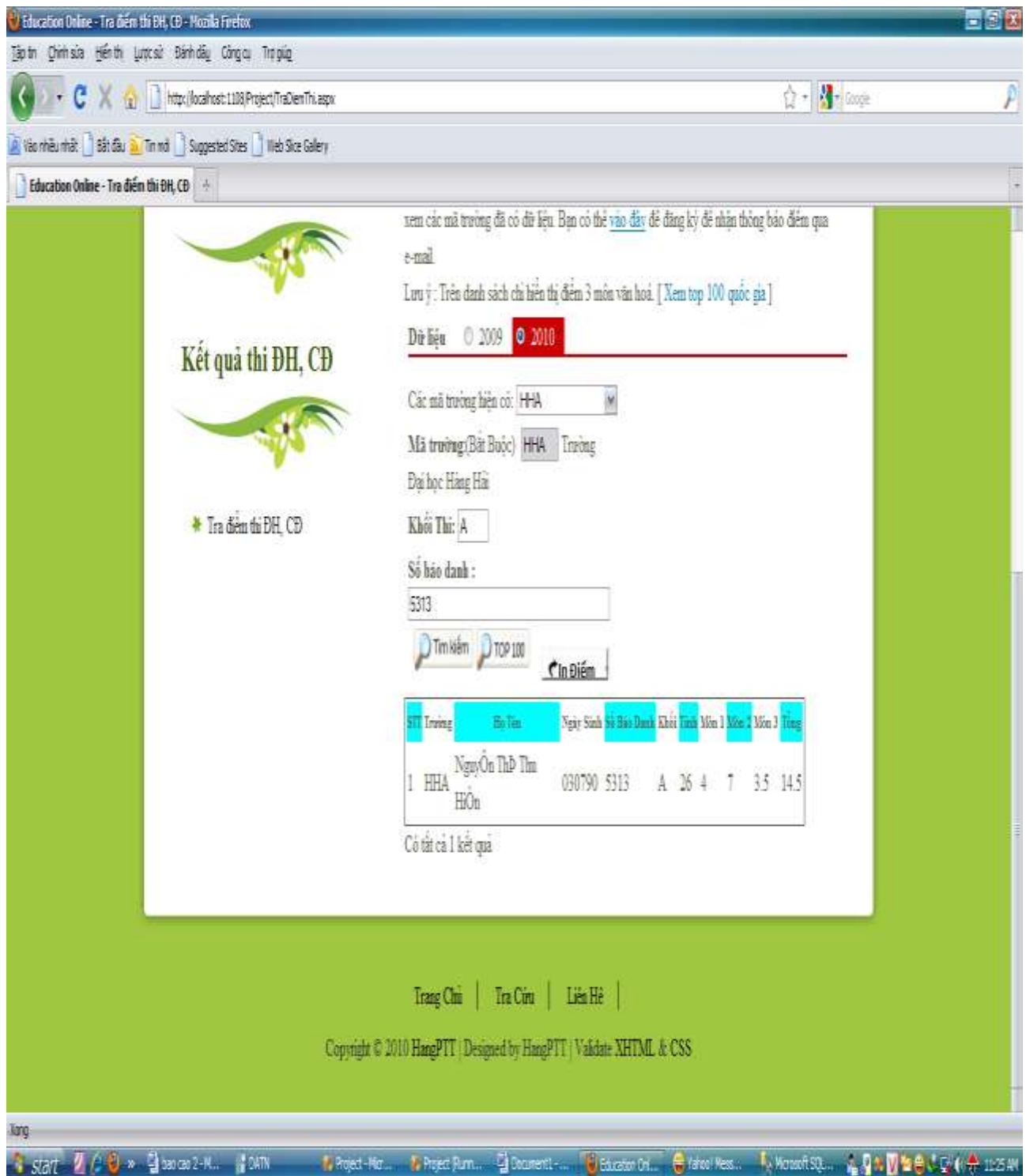
3.5.4. Giao diện thống kê hồ sơ

Đăng nhập vào Website, chọn mục **Thống kê hồ sơ**

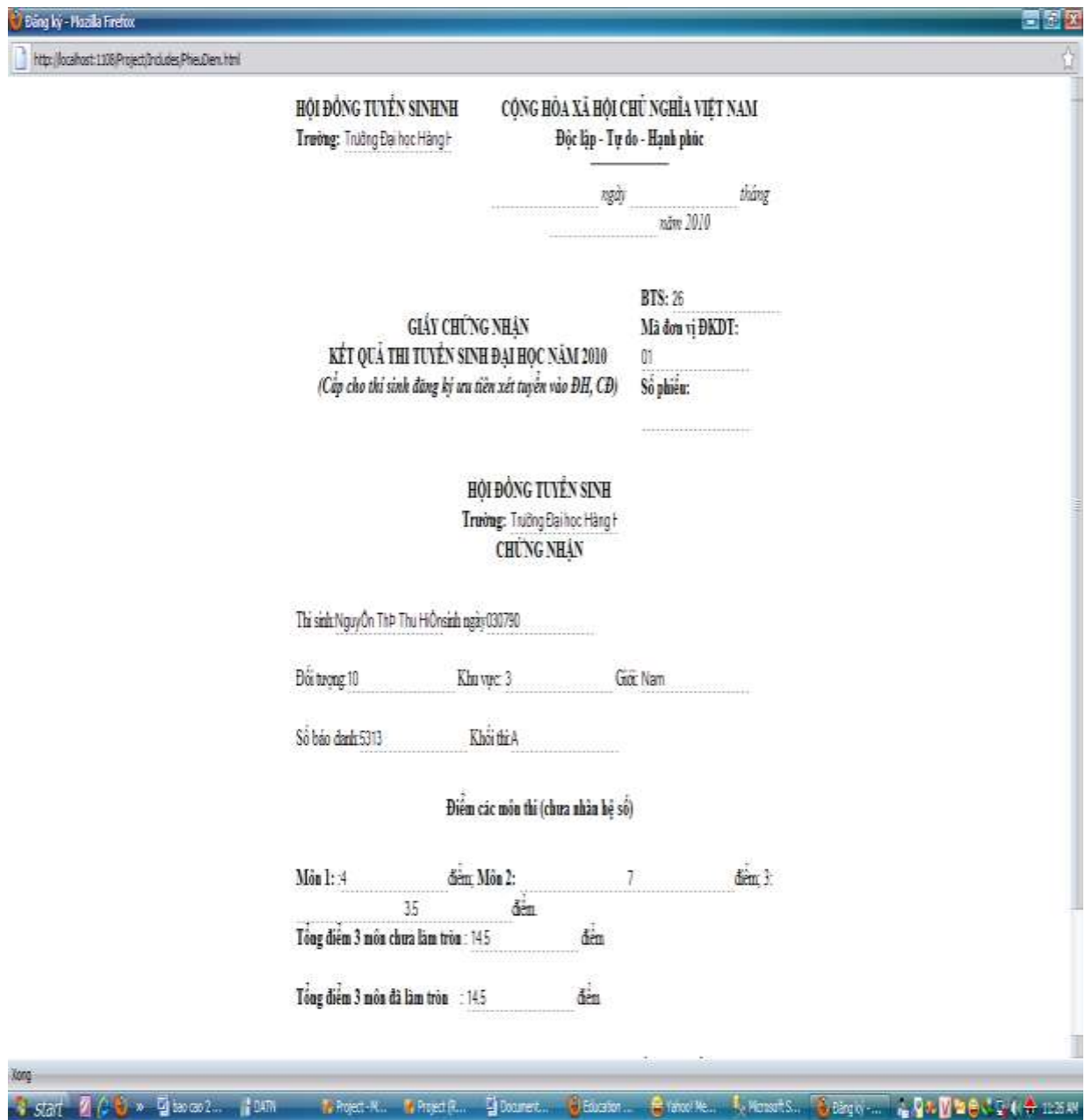
Thống kê số hồ sơ của từng trường, từng khối thi và tổng hồ sơ thí sinh đã nộp.



3.5.5. Giao diện tra cứu điểm thi



Sau khi tra điểm thi xong có thể in phiếu điểm thi.



KẾT LUẬN

* KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Với sự cố gắng của bản thân, cùng với sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo hướng dẫn **Vũ Anh Hùng** đến nay đề tài của tôi đã đạt được những kết quả sau:

- Trình bày khái niệm cơ bản về Internet và các ứng dụng của nó.
- Trình bày được các yêu cầu của bài toán thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi và tra cứu điểm thi đại học trong môi trường Internet.
- In ra được bộ hồ sơ đăng ký dự thi đại học theo mẫu của Bộ GD&ĐT.
- Thông tin về thí sinh được lưu vào CSDL.
- Tra cứu được điểm thi đại học và in ra phiếu điểm.
- Thống kê tổng số hồ sơ.
- Giao diện đẹp, dễ sử dụng.

* HẠN CHẾ

Do hạn chế về nhiều mặt nên chương trình còn nhiều khiếm khuyết như:

+ Về mặt chức năng: Cả thiết kế và cài đặt để lại khá nhiều thiếu sót; việc thiết kế và cài đặt các kiểm soát cũng chưa được thực hiện tốt nên sự hoạt động của hệ thống đôi khi gặp phải những lỗi trong lúc nhập thông tin và tính toán; một số chức năng còn thiếu chưa được xây dựng nên hệ thống hoạt động còn chưa được đầy đủ, tính bảo mật chưa cao.

+ Về cơ sở dữ liệu tuy được thiết kế chặt chẽ nhưng do còn có những hạn chế nên khiến hệ thống khó có thể phát triển thêm các chức năng. Chẳng hạn như tăng cường khả năng lưu thông tin vào CSDL. Bên cạnh đó việc thiết kế các kiểm soát cũng chưa được thực hiện dẫn đến chương trình thiếu hẳn các kiểm soát dữ liệu nhập.

+ Việc phát hiện sửa chữa lỗi chưa triệt để.

+ Chức năng của website hoàn toàn mới chưa từng được ứng dụng trong thực tế nên gặp phải nhiều khó khăn.

+ Sự chênh lệch về khả năng thực hành và tiếp cận Internet giữa các vùng miền trên cả nước còn cao.

*** HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

Với các tính năng đã được thiết kế và xây dựng ở trên, Website đã đáp ứng được phần nào yêu cầu về vấn đề thu nhận hồ sơ đăng ký dự thi và tra cứu điểm thi đại học. Tuy nhiên, chương trình chưa thể đáp ứng được hết các nhu cầu thực tế trong công tác tuyển sinh.

Thành lập ra các cơ sở có hệ thống máy in và máy tính kết nối Internet phục vụ tốt nhất cho mọi đối tượng đăng ký hồ sơ trực tuyến.

Quy trình đăng ký và thu nhận hồ sơ thi đại học trực tuyến sẽ được ứng dụng và triển khai rộng rãi trong thời gian gần nhất.

Xây dựng được một Website tuyển sinh hoàn chỉnh, ứng dụng tối đa lợi ích của công nghệ thông tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, 03, 11/02/2010/TT-BGDĐT.
- [2] *Giáo trình tự học Microsoft ASP.NET* [online].
- [3] Lương Văn Minh – Ngô Bá Nam Phương, *Giáo trình ASP.NET*, Đại học khoa học tự nhiên, 2007.
- [4] Lưu Bích Thủy, *Tự Học ASP.NET Website Tra Cứu Điểm Thi Trực Tuyến*, NXB Hồng Đức, 2009.
- [5] Trang web : <http://thuvienit.com/>
<http://www.aspvn.net/>
<http://www.codeproject.com/KB/aspnet/>
<http://www.moet.gov.vn/>

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ DỰ THI	1
1.1. QUÁ TRÌNH NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI	1
1.1.1. Mẫu hồ sơ đăng ký dự thi.....	1
1.1.2. Trình tự làm hồ sơ ĐKDT	1
1.1.3. Nộp hồ sơ	8
1.2. KHÓ KHĂN	10
1.3. GIẢI PHÁP	11
1.4. MẪU HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI.....	13
CHƯƠNG 2: MÔ TẢ CƠ SỞ DỮ LIỆU TUYỂN SINH ĐẠI HỌC	14
2.1. MÔ TẢ CHUNG	14
2.2. CÁC BẢNG DỮ LIỆU	14
2.3. Mô hình quan hệ.....	21
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG WEBSITE THU NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI ĐẠI HỌC.....	22
3.1. HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	22
3.1.1. Giới thiệu về ngôn ngữ SQL Server 2008.....	22
3.1.2. Chuyển đổi cơ sở dữ liệu.....	25
3.2. GIỚI THIỆU VỀ NGÔN NGỮ ASP.NET	31
3.2.1. TRUY XUẤT CSDL TRONG ASP.NET.....	34
3.2.2. CÀI ĐẶT VÀ TRIỂN KHAI	36
3.3. KẾT QUẢ XÂY DỰNG WEBSITE.....	37
3.3.1. Đăng ký hồ sơ trực tuyến	37
3.3.2. Nộp hồ sơ trực tuyến	39
3.3.3. Tra cứu điểm trực tuyến	39
3.3.4. Tổ chức thư mục và tập tin.....	40
3.3.6. Nội dung các trang	41
3.4. KẾT QUẢ CHẠY THỬ	42
3.5. MỘT SỐ GIAO DIỆN WEBSITE	45
3.5.1. Giao diện chính của Website.....	45
3.5.2. Giao diện điền hồ sơ.....	46
3.5.3. Giao diện nộp hồ sơ.....	48
3.5.4. Giao diện thống kê hồ sơ.....	51
3.5.5. Giao diện tra cứu điểm thi	52
KẾT LUẬN	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO	56